NĂM THỨ TƯ Số 169 Thứ năm 7 Décembre 1944

TRI TÂN

1 năm 35$00 — 6 tháng 18$00 — 3 tháng 9$00

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

MỤC LỤC

* Ảnh-hưởng gián tiếp của mấy nhà y-học đối với nhi-đồng — *Hoa-Bằng*
* Những việc lừng lẫy trong sử nước ta — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tây hứng — *Thi-Nham*
* Truyện cụ Chu An (II) — *Trần-hàm-Tấn*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXXIII) — *Ứng-Hòe*
* Số mệnh một con chim con — *Bách-thảo-Sương*
* Hai tháng ở gò *Óc-Eo* (II) — *Biệt-lam Trần-huy-Bá*
* Đọc sách — *Tiên-Đàm*
* Những ông Nghè triều Lê (C) — *Ứng-Hòe*
* Đại Nam dật sự (L) — *Nguyễn-văn-Tố*
* An tư (tiểu thuyết XIX) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$70

Nhi-đồng Việt-nam ở thế-hệ nay

ẢNH-HƯỞNG GIÁN-TIẾP CỦA MẤY NHÀ Y-HỌC ĐỐI VỚI NHI-ĐỒNG

HOA-BẰNG

Như các bạn đã thấy ở kỳ trước, nước ta từ xưa đến khi tiếp xúc Âu-tây, chưa có gì gọi là làm việc nghiên-cứu nhi đồng cả.

Mà từ sau khi đã chịu ảnh-hưởng học thuật Âu Mỹ đến giờ, nhi-đồng dẫu thành vấn đề, nhưng vẫn chưa được người mình đặc biệt chú ý, cho nên nhi-đồng học vẫn chưa được liệt làm một chuyên khoa, mà danh từ « nhi-đồng-học-giả » bấy còn thấy thiếu trên trang *tự-điển Việt-nam*.

Nay muốn kỷ-thuật một thiên lịch-sử nhi-đồng-học của ta, thiệt tưởng đó là một việc trăm khó, nghìn khó. Vì từ khi xoay theo tân-học, người mình tuy có để ý đến nhi-đồng, nhưng công việc nghiên-cứu chưa có hệ-thống, mà việc làm về phương diện ấy chưa thật thành-hình rõ rệt. Vì thế, phàm những tài-liệu tương quan đến vấn-đề này thảy đều tản mác rã rời, khó bề thâu lượm trong một thời gian ngắn mà bao quát đầy-đủ được.

Mà hình như phần đông người mình không quan tâm đến vấn đề nhi-đồng cho lắm, nên trong khi tiến hành công việc này, tôi từng vấp phải nhiều trở lực rất đáng tiếc!

Vậy xin cứ theo tầm tai mắt thiển cận của kẻ cầm bút này mà đánh bạo viết ra, chắc là không sao tránh khỏi những điểm lộn-xộn thiếu sót. Ngoài sự mong lượng rộng thứ ở các bạn thân mến, tôi còn cần phải thanh minh đôi lời:

Trong thiên khảo-cứu này, hễ nói đến một cá-nhân hay một đoàn thể nào, là chỉ vì cá-nhân hoặc đoàn-thể ấy có liên quan đến vấn-đề nhi-đồng ở xứ ta. Vậy nhắc đến không phải là ý thiên-vị. Nhưng hễ quên sót ai hoặc hội nào đã làm công-việc cho nhi-đồng ở xứ này, là vì vô ý chứ không phải do một tư tâm hẹp hòi. Để bổ túc cho những điểm thiếu trống ấy, cố nhiên là phải trông đợi ở các bậc cao minh.

***

Gần đây, bác-sĩ Nguyễn Văn-Luyện ra cuốn *Sản dục chỉ nam*. Qua năm 1942, sách đó được in lại lần thứ tư (1). Nội dung tuy trau-giồi những thường-tức về sự sinh-sản, những điều vệ sinh cần thiết và những cách dùng thuốc trong tủ gia-đình, nhưng có ảnh-hưởng gián-tiếp rất lớn đến con nít.

Trong « lời dẫn » tác-giả viết: « Quyển thứ nhất chia làm hai phần (....) Phần thứ hai nói về cách nuôi trẻ và chăm nom cho nó từ lúc lọt lòng cho đến khi khôn lớn. Cách phép cho bú nói tường tận từng ngày từng giờ, lại có mục riêng về đứa yếu đuối, về bệnh của trẻ sơ sinh, về thân-thể của trẻ con, sự tiêu-hóa của nó, việc mọc răng và các bệnh xảy ra lúc ấy. » (tr. 5).

Đến quyển thứ hai, tác-giả nói về **phép chữa bệnh cho trẻ con**, trong có những mục như: *1) Cách dò xét bệnh của trẻ con, 2) phép chữa thuốc cho trẻ con, 3) các chứng bệnh của trẻ con.* Tác-giả có viết ở « lời dẫn » rằng: « Quyển thứ hai là một sách thuốc phổ-thông: sau những mục tổng luận về phép chữa thuốc, cách dò xét sức khỏe của trẻ con, mới nói đến bệnh tật của trẻ ... » (tr. 5).

Như vậy đủ thấy rằng tác-giả *Sản dục chỉ nam* đã làm bảo-hộ nhi đồng một cách đắc lực bằng những sở năng của nhà y-học.

Có thể nói, sau khi cuốn *S. D. C. N.* ra đời, nhi-đồng Việt-nam đã được nâng lên một địa vị khá cao trong xã-hội, vì người ta không khinh-suất trong việc nuôi dưỡng trẻ con tức là người ta đã có một quan-niệm mới đối với nhi đồng vậy.

***

Sau bác-sĩ Nguyễn Văn Luyện với cuốn *Sản dục chỉ nam* và bác-sĩ Cao Xuân Cẩm với cuốn *Nói truyện nuôi con* (2), - năm 1941, bác-sĩ Lê Hữu-Mỹ cho xuất bản cuốn *Tuổi xanh* (3) trong chia làm ba phần :

Phần thứ nhất

1) Việc trông nom cho trẻ bằng nhảy,

2) Việc tắm rửa cho trẻ,

3) Quần áo, tã lót,

4) Vệ sinh về việc ngủ,

5) Nói về sự ăn uống,

6) Nói về cuộc đi ra ngoài đồi gió,

7) Nói về cuộc chơi đùa và về cuộc tập thể thao,

8) Nói về sức lớn của trẻ,

9) Nói về giáo dục trong gia-đình.

Phần thứ nhì

1) Nói về các trẻ yếu ớt,

2) Nói về đứa trẻ sinh ra to lớn quá số bình-thường.

Phần thứ ba

1) Công việc trông nom khi trẻ ốm đau,

2) Các bệnh thường có ở ngoài da,

3) Nói sơ lược về các bệnh ở bộ tiêu hóa,

4) Nói sơ lược về các bệnh ở bộ hô hấp,

5) Nói về mấy chứng thuộc về thận,

6) Nói về các bệnh thuộc về ngũ-quan,

7) Nói về các bệnh di truyền,

8) Nói về các bệnh ở máu,

9) Nói về sự đề phòng các bệnh,

10) Nói về các bệnh do thời-tiết.

Kể sơ nội dung cuốn *Tuổi xanh* ra đấy, các bạn đọc thân mến cũng có thể biết qua rằng đó là cuốn sách chuyên chú về phương diện nuôi dưỡng và phòng bịnh nhi đồng.

Nơi « Mấy lời nói đầu », tác-giả *Tuổi xanh* có viết :

« ... Tuổi trẻ là hi-vọng, là tương-lai của gia-đình và tổ quốc, là một phần-tử rất quan-trọng của quốc-gia. Tùy theo sự chăn nuôi, dạy dỗ các trẻ mà sau này quốc-gia sẽ mạnh hay yếu, sẽ bước nhanh hay chậm trên con đường tiến-bộ... »

Xem đó, đủ biết tác giả *T. X.* có cái nhiệt-tâm tối với vấn-đề nuôi trẻ là thế nào.

***

Cuối năm 1942, bác sĩ Lê Văn-Ngôn cho ra cuốn *Bịnh ho lao*. Tác phẩm này tuy là một sách chuyên môn « giúp người mạnh biết cách mà phòng ngừa, người đau biết cách mà tiếp dưỡng » (*Thay lời tựa*, tr. 19), nhưng trong trung có nhiều mục cũng liên quan đến nhi-đồng, như : *Bịnh lao của mẹ có thể truyền cho đứa con còn ở trong bụng không*, và *làm cách nào cho đứa bé có cha hay mẹ bị lao thoát khỏi bịnh lao*.

Ở mục « Cách dùng B. C. G (Bacille Calmette Guérin) tác-giả *Bịnh ho lao* chỉ bảo phương-pháp dùng B. C. G. đối với nhi-đồng (tr. 130). Đến mục « Đứa bé nào nên uống B. C. G. », tác-giả viết rằng : « Vì phần đông lương y còn ngờ B. C. G. không có công hiệu chắc-chắn, nên họ thường khuyên như vầy :

1°) Nếu đứa nhỏ sanh ra mà không gần gũi người bị lao thì không cần cho nó uống B. C. G. ;

2°) Nếu mẹ nó bị lao hay chung quanh nó có người bị lao (cha nó, ông bà nó... cùng ở chung một nhà) thì cho nó uống B. C. G. » (tr. 131-132).

Để tìm cách cứu vãn cho hạng trẻ có cha hay mẹ bị lao thoát khỏi bịnh lao, tác-giả *B. H. L.* có nêu lên hai phương pháp :

1°) Phải để nó ở xa người bị lao » ;

2°) « Phải có thuốc ngừa lao cho nó » (tr. 281 — 284).

Rồi bác sĩ Lê Văn Ngôn kết luận : « Nếu quả biết dè-dặt, họ lo gì chẳng được khoẻ mạnh như những kẻ khỏe mạnh trong đời ? » (tr. 384).

Thế đủ biết tác-giả *B. H. L.* đã đặc-biệt để ý đến nhi-đồng bằng cặp mắt y-học.

HOA-BẰNG

---

(1) Thụy ký. Hanoi xuất bản.

(2) Vì không sẵn tài liệu trong tay khi viết bài này, nên tôi không kịp nói kỹ về cuốn này.

(3) Lê Hữu, Hà-nội, xuất bản.

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p00 một vé

NHỮNG VIỆC LỪNG-LẪY
TRONG SỬ NƯỚC TA

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Từ - Ngọc Nguyễn - Lân có biên-thuật một quyển sách đề là *Những trang sử vẻ - vang (Từ trước cuộc nội-thuộc Tàu đến đầu triều Gia-Long)*, tất cả 65 chuyện, chia làm 2 cuốn, nay mới cho in cuốn I, chép đến đầu đời Lê, có 35 chuyện. Nhà Mai - lĩnh xuất bản, được 200 trang, khổ giấy 15×20.

Toàn là những chuyện ngắn-ngắn, viết rất rõ ràng. Duy có một vài câu hơi cầu-kỳ, như câu « nền độc-lập như treo vào sợi tóc » (ở trang 92), bình như không đúng, vì đã là cái nền thì treo làm sao được?

Phần nhiều lược thuật theo sử chữ nho, nhưng cũng có chỗ lấy ý riêng thêm vào, thí dụ trang 62 có câu: « Trong bọn đại - thần có Nguyễn Bặc là một tỉ-tướng chân tay của Đinh Tiên hoàng khi trước, thấy thế không chịu được, bèn họp hai đại-tướng khác là Đinh Điền và Phạm Hạp lại mà nói rằng: — Thái-hậu nội loạn, Lê - Hoàn lộng quyền, chúng ta yêu nước, nếu không sớm lo vì vua trừ loạn, mặt nào nhìn thấy Tiên-đế ở dưới đất nữa? » Đoạn này so với sử chữ nho thì không đúng: *Khâm-định Việt - sử* (q 1, tờ 9 b) chép « Nguyễn-Bặc là Đinh-quốc-công » mà ông Lân gọi là « tỉ tướng chân tay khi trước » thì chắc là nhầm, và từ chữ « Thái-hậu » trở xuống là câu nói của một người trung-nghĩa, thì không nên thêm ý riêng, phải chép cho đúng. Nguyên chữ nho là « Lê-Hoàn tương bất lợi ư nhụ-tử, Ngô bối thụ quốc hậu-ân, nhược bất tảo đồ, dĩ an xã tắc, hà diện mục kiến Tiên đế ư địa hạ? » nghĩa là « Lê-Hoàn sẽ không lợi cho Nhụ - tử. Bọn ta chịu ơn dày của nước, nếu không sớm lo toan để yên xã-tắc, mặt mũi nào thấy Tiên-đế ở dưới đất nữa? ». So với câu ông Lân thuật lại, có chữ không thấu hết ý nghĩa, có chữ lại thêm ý riêng.

Đến chuyện, ông chép cũng nhầm hoặc không rõ, như câu « hai bên đánh nhau ở Hoa- lư » và câu « đều bị chết cả » (ở trang 62). Chính sử *Khâm - định* chép: « Lê-Hoàn cùng Nguyễn-Bặc, Đinh-Điền đánh nhau ở Ái-châu », chứ không phải Hoa - lư « Điền chết trận », còn « Bặc bị bắt đưa về kinh-sư Hoa-lư », Lê - Hoàn trách mấy câu rồi giết. « Hạp chạy về Bắc-giang, Lê-Hoàn đuổi theo, bắt về kinh-sư, rồi giết ». Trang trên, tức trang 61, có câu « Tiên-hoàng say rượu nằm ở trong cung » cũng không đúng: chính là đêm uống rượu nằm ở sân cung.

Nhưng việc như thế, có nhầm hay thiếu, kể cũng không hệ-trọng gì mấy; duy có việc « vẻ - vang » nhất là việc Lê-Hoàn (980 - 1005) đánh đuổi quân nhà Tống, mà ông Lân bỏ sót, không lược thuật lại thiết tưởng thế là một chỗ thiếu đáng tiếc cho một cuốn sử có giá-trị. Sử chữ nho chép rằng: Sau khi Đinh Tiên-hoàng bị giết, Đinh-Toàn nối ngôi mới lên sáu tuổi, tri-châu châu Ung là Hầu-Nhân-Bảo dâng thư về vua Tống, nói rằng nước ta nội loạn, có thể lấy được, vua Tống mừng, sai Hầu Nhân-Bảo và Tôn Toàn-Hưng, Trần-khâm-Tộ, Lưu-Trùng, Giả-Thị chia làm hai đường thủy bộ, họp ngày sang đánh nước ta, quân hùng tướng mạnh, khí thế rất là hăng - hái. Lê-Hoàn tự làm tướng đem quân ra chống cự, trận đầu bị thua, thế mà Lê-Hoàn cố trổ tài võ mưu văn, giết được Hầu Nhân-Bảo, quân Tống bị chết quá nửa; Lê Hoàn lại bắt sống được bọn bộ tướng của Tàu là Quách quân-Biện, Triệu Phụng Huân, làm cho vua Tống phải xuống chiếu thu quân về.

Sau Lê-Hoàn nhận sắc chỉ của Vua Tàu không lạy, và thả cho dân sang cướp bóc quấy nhiễu biên-giới nhà Tống, triều thần nhà Tống như bọn Cu êu - Mỹ, Thiệu-Việp đều tâu với vua Tàu để sang xâm lấn nước ta, vua Tàu đều bác đi, lúc thì nói vì khí lam-chướng, sợ chết hại nhiều, lúc thì nói dương khi người ta có tang, không nỡ cất quân sang đánh.

Nhưng chính thực là từ khi bọn Tôn Toàn-Hưng bị Lê-Hoàn đánh, vua Tống có ý e sợ, cho nên Lê-Hoàn đối với nhà Tống dù kiêu-ngạo thế nào, vua Tống cũng không dám nghĩ đến việc cáng đánh nữa.

Một việc vẻ-vang cho sử nước nhà như thế, mà lại ở vào

thời-kỳ mới mở nền độc-lập, thì lại càng quý lắm, thế mà mà ông Lân bỏ đi, có lẽ ông theo các cụ xưa thường chê Lê-Hoàn là cướp ngôi của chủ nên không nói đến chăng? Tôi thiết-tưởng không nên câu-nệ một tiểu-tiết mà dìm một việc hay của người, mà cái việc hay ấy lại có ảnh-hưởng cho dân cho nước đến mấy nghìn năm về sau.

Tuy thiếu, nhưng sách của ông Lân có thể coi như là sách phát thưởng cho học-trò, chắc thế nào cũng tái bản, nên tôi chữa thêm mấy chục trang trên, như sau này. Trang 27, ông Lân nói Mã-Viện « không thể đi đường bể » là nhầm, vì sử chữ nho chép rằng « Khi đốc lâu-thuyền trở quân là Đoàn-Chí chế. Vua Hán xuống chiếu cho Mã Viện kiêm quản ấy » : thế là Mã-Viện có đi cả đường bộ và đường thủy. Trang 133, có câu : « Khắc-chung từ biệt ra về, Ô-mã Nhi tỏ vẻ phục tài ứng-đối bạt-thiệp » Câu ấy nguyên chữ nho rằng : « Khắc-chung từ tạ, Mã-Nhi vị chứ tướng viết : Thử nhân đương ay chế chư tế, tức-khí tự nhược, bất tự chủ, vi Trịch, bất siêm ngã vi Nghiêu dã. Thiết gia cầu phệ nhân, thiện ứng đối, khả vị bất nhục quân mệnh, bỉ quốc hữu nhân, vị đi đề giả », nghĩa là « Khắc-Chung cáo từ ra về, Mã-Nhi bảo các tướng rằng : Người ấy đương khi bị oai tiếp-chế, mà tức khí vẫn tự-nhiên không nhận chủ mình là tên Trịch, không nịnh ta là vua Nghiêu, chỉ nói chó nhà cắn người, thật là giỏi về ứng đối có thể gọi là không nhục mệnh vua. Thế là nước họ có người giỏi, chưa để mưu-tính nổi » Cứ như thế, không những Mã Nhi phục tài ứng-đối của Khắc Chung mà thôi, lại sợ trong nước ta có người giỏi nữa. Và như câu « chó nhà cắn người », nguyên chữ nho là « cẩu rịch cầu phệ Nghiêu » nghĩa là chó của tên Trịch (tên ăn trộm có tiếng cắn vua Nghiêu (ông vua ôn nhân đức), ý nói không phải chủ nó thì nó cắn, dù chủ nó là tên ăn trộm mà người lạ kia là người nhân-đức : thế mà Khắc-Chung không chịu nói chữ Trịch cũng Nghiêu, cho nên Mã-Nhi mới chịu phục là giỏi. Những câu như thế, không nên lược đi.

Còn những chữ nhầm nhỏ nhặt, tuy không quan hệ gì, nhưng cũng nên để ý như trang 75 chép câu « Cổ kim vũ công đệ nhất » cho là chữ của *Việt-sử tổng vịnh* thì nhầm : chính là chữ của *Đại-Việt sử-ký*, mà *Việt sử tổng vịnh* dẫn vào, nhưng không biên rõ. Trang 87 - 88 chép tên mấy người Mông-cổ không chua chữ quốc-ngữ hay chua nhầm, như Subotai là Tô bố thái, Ogta là Oa-khoát-đài, hoặc A bột-đài, chứ không phải A-loa đài (xem René Grousset, *Histoire de l'Extrême-Orient*, tr 419, 420, v. v.).

Tôi kể qua một vài khuyết-điểm để giúp vào việc tái-bản Quốc sách của ông Lân thật có giá-trị. Tuy trên bài tựa ông nói « không có cái cao vọng làm công việc một sử-gia dày công nghiên-cứu », nhưng tôi thiết-tưởng nên mở sách nho kê cứu lại, thì quyển sử phổ thông này sẽ thành một quyển giáo-khoa mô phạm.

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐỀ HOA YÊN TỰ

Yên sơn sơn thượng tối cao phong,
Tài ngã canh sơ nhật dĩ hồng,
Vũ trụ nhỡn cùng thương hải ngoại,
Liêu đàm nhân tại bích vân trung.
Ưng môn ngọc sáo xâm thiên mẫu,
Quải thạch châu lưu lạc bản không.
Nhân miếu dương niên di tích tại,
Bạch hào quang lý đồ trung-đồng.

NGUYỄN TRÃI

Dịch :

Đỉnh núi Yên cao ngàt mấy trùng,
Đầu canh năm đã thấy vầng đông,
Mắt nhìn mặt bể xa xa lắc,
Người ở trên mây nói nói cùng.
Trúc mọc thăng giăng hơ mấy mẫu,
Suối tuôn vách-vách nửa chừng không,
Dấu xưa Nhân miếu nay còn đó,
Trong ánh hào quang lệ mặt rồng.

THI NHÂM

Truyện cụ Chu-An

Số 2

TRẦN HÀM-TÂN

Chúng ta thường chỉ xã Tức-mặc, tổng Đông-mạo, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định là quê hương nhà Trần, trong bia thần-đạo ở An-sinh thuộc huyện Đông-triều tỉnh Hải-dương, có chép : «... *Đời trước nhà Trần ở An-sinh về Đông-triều*, ...», cho nên phần nhiều lăng vua nhà Trần còn di-tích ở xã An-sinh, dưới Mễ sơn thuộc huyện này. Xưa kia mấy vua nhà Trần xuất gia cũng đều tu ở núi Yên-tử về phủ Bắc-ninh mà đồng thời với cụ như Trần-nguyên-Đán thân thảo về hưu cũng ở núi Côn-sơn là Côn-sơn, là Kỳ-lân sơn thuộc xã Chí-ngại tổng Chí-ngại, huyện Chí-linh cùng một tỉnh. Xem thế thì biết vùng Chí-linh, Đông-triều đang thịnh thời nhà Trần là một xứ danh thắng đô hội; huống chi là Phượng-hoàng sơn (tức Kiệt-đặc sơn thuộc tổng Kiệt-đặc cùng huyện) vốn là chỗ đạo-sĩ Huyền-Quang luyện thuốc trường thọ kỳ trước, và chính đời nhà Trần đã dựng cung Tử-cực và động Lưu-quang ở trên, lại thêm cảnh sắc u nhã, ngọn núi giữa ao bích bên như cánh phượng trong cô độ g, dưới có giếng sôi, lên có ao Tuà, trong sách *An-nam-chí* có chép : « Kiệt-đặc sơn thanh-tú thiên thạch, u-cốc hào phóng, hữu thế ngoại chi cảnh » Cụ thân qua chơi, vừa ý dựng nhà ở ẩn, tiêu-dao tự đắc, thường ngâm vịnh làm vui, như câu

«Thân dữ cô vân trường luyến tụ,
Tâm đồng cổ tỉnh bất sinh lan»

身與孤雲長戀岫
心同古井不生瀾

Thế thì ý cụ đã nhất định lấy nước biếc mây xanh làm bạn lão mà đám mây cổ kia không thể quấn quít được nữa ; cụ tự hiệu là Tiều ẩn.

Dẫu vậy cứ mỗi kỳ triều hội năm cửa khuyết bái yết. Vua Gu-tông ủy chính sự cho cụ lãm, cụ từ chẳng chịu nhận, Hiến-từ thái-hoàng thái-hậu (vợ vua Minh-tông) bèn bảo rằng : «Kẻ sĩ thanh-tú kia, thiên-tử không thể ép làm tôi được, thì có thể nào đem chính sự sử nổi được người ? » Vua bèn khiến nội thần mang ý phục ra ban chỗ. Cụ lạy tạ lĩnh của ân-tứ, nhưng sẽ đem tặng cho người ngoài. Cụ chẳng như ai ẩn một chỗ để khiết thân mà bỏ nghĩa quân thần, cụ cũng chẳng dám từ của thượng-tứ mà cũng chẳng để của ấy sử mình, cho nên thiên-hạ đều phục phong tiết cụ rất cao.

Từ năm Thái-trị thứ mười hai (1369), vua Gu-tông mất về đạo dương này cho đến vô tự bèn Thiên-tử lấy Dương-nhật-Lễ (con Đào Vương-mẫu vợ Cung-tuấn đương vương hồi trước chính con chả sẩn của tên giặc Dương-Kỵ-Mỹ) làm Thái-tử rồi lên ngôi Hoàng-đế đổi nguyên là Đại-định (1369) Nhật-Lễ đem đã tâm ra ăn ở, cùng đầu năm mà nó đã đánh thuốc độc ngầm bà Hiến-từ ở trong cung và nó định đổi kim-chi ngọc-diệp làm họ Dương. Nó chỉ say-sưa dâm-dật, ngày ngày yên chơi, dòng-dòng theo ngã nó chỉ thích chơi trò vặt. Tôn-thất và trăm quan đều thất vọng.

Dương đã nhà Trần cho phép những thân thuộc và công-chúa dùng ít nhiều người thủ-hạ làm gia-nô. Thái-tổ Nguyên Thế-tông Thiên-minh cũng cho với ít nhiều tôn thất đang đêm đem gia-nô vào thành trực giết Nhật-Lễ, thì nó trèo tường lẻn ra núp dưới cầu, trốn mất. Khi Nguyên-Trác và Thiên-minh kéo về, ngờ đâu, trời vừa sáng thì nó ở trong cung đã sai người ra tìm mà lấy những kẻ chủ mưu ấy được mười tám người đều bị nó giết. Có nhà Trần nhật-Hạch cùng mưu với Nhật-Lễ giết tôn-thất nhà Trần vào dịp này. Xét tất sau là nhà Đông-a cơ-hồ nguy-nguy đổ, Thiên-minh vạt-vạt mà bị Chung-Định bưng Thiên-hạ của tổ-tông nhà mình, sao cố bỏ cho người khác ? Em cứ lẻn đi mà tìm đường khác, phục Dương-nhật-Lễ, sợ vạ đến mình, nhân trốn tôn Đày giống nhưng nó nhớ ngầm với Cung-tuyên trong Nguyên-Đán và Thiên-minh họ phòng nhà trên sông Đại-tự (thuộc tỉnh Thanh-hóa) mà ngoãi. Khi ông ra đi có mấy câu thơ cảm khái :

« Thất lăng hồi thủ thiên hàng lệ,
Vạn lý môn tâm lưỡng mãn ban,
Khử Vũ đồ tồn Đường xã tắc,
An Hoàng phục cố Hán quan

七陵回首千行淚
萬里門心兩鬢斑
去戎圖存唐社稷
安劉復舊漢衣冠

Tôn thất trăm quan cùng dắn dắn ra khỏi thành theo ông và khuyên ông nên về dẹp yên nội loạn. Ngày tháng mới năm ấy (1370), ông đem quân tiến về kinh thành. Khi đến Kiến-hưng (Nghĩa-hưng thuộc tỉnh Nam-định), ông lên ngôi Hoàng để tự xưng nghĩa-hoàng, quần thần tôn hiệu là Tiễn-thiên kiến-cực thuận-hiếu hoàng đế. Ngài bắt lệnh ngay bỏ Nhật-Lễ làm Hôn-đức công và đặt niên-hiệu Thiệu-khánh (1370).

Cụ đang phẳng phất nhìn lăng Thái vua Anh-tông trên gò núi An-sinh, ngâm thơ:

« Tùng lâm thâm tỏa nhật tương tịch,
Yên thảo như đài mê loạn thạch,
Ai đàm thiên sơn phong cảnh bảo,
Liêu trăm vạn cổ vân vô tích,
Khê hoa dục lạc vũ ti ti,
Đã điểu cất minh sơn tịch tịch,
Kỷ độ trù-trừ hành phục hành,
Bình vu vô tận xuân sinh bích.

長林深鎖日將斜
煙草如苔迷亂石
碧谷千山風雨愁
銷沈萬古雲無跡
落花欲落雨絲絲
野鳥不鳴山寂寂
幾度躊躇行復行
平蕪盡春生碧

Nghĩa là:

« Vườn thông thâm thẳm trời hầu tối,
Cỏ ngát như rêu đá lẫn lộn,
Tà mây ngàn núi gió thêm buồn,
Chìm tìm muôn xưa mây sạch lối,
Vườn bụi hoa bay mấy tầng khe,
Rừng im tiếng vắng đàn chim nói,
Mấy bận dập dìu đường lại đi
Đồng bằng mãi-mãi xuân nên biếc,

Nghe nói Cung định-vương đã dẹp yên nội loạn, lấy lại hồng đô, cụ mừng lắm, bèn chống gậy đi bái yết. Quan sơn cách trở, lòng thần tử sao nỡ quên vua phù qui phù vân, chỉ đạo đức chỉ nên đốc-thực, lượng Phượng sơn bây giờ đã thao sẵn di văn như Bắc-sơn sẽ đưa bầu cụ. Trái lại, cụ chẳng chịu nhận chức tước gì trong triều cả thêu-nhân chỉ xích, lạy tạ xin về. Hoàng đế cũng bậu lễ tiễn tống mà cũng chẳng lấy danh lợi cương tỏa cụ nữa. Khi cụ ra về, Nguyên-Đán thân thuận nguyên sáo nhà Trần và đã tặng tạo khi cụ mới còn làm Tư-nghiệp, lại tặng cụ mấy câu:

« . . . Huệ trướng vật sòi cô học oán,
Bồ luân hảo vị hạ dân hồi,
Hi triều xã tắc thiên phương lộ,
Khẳng sử tiên-sinh lão bịch ôi.

惠帳勿猜孤鶴怨
蒲輪好為下民迴
熙朝社稷天方作
肯使先生老壁隈

Nghĩa là:

« Màn huệ bỏ không thầy hạc đắp,
Xe hồ quay lại vị dân chi lưu?
Nhà ta xã tắc còn đang vượng,
Chịu để ông già cảnh gió giăng ? »

(còn nữa)

TRẦN-HÀM TÂN

3 Bộ sách mới

THUỶ HỬ
Bản dịch của Trần-Tuấn Khải
Giá: 3$00

TRƯƠNG CHI
Kịch thơ của Vũ-hoàng Chương
Giá: 6$50

VỰC-THẨM
Chuyện dài của Nguyễn Hồng
Giá: 4$00

NHÀ XUẤT BẢN ANH HOA
69 Hàng Than — Văn phòng 115 Henri d'Orléans — Hanoi

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều (*bài nối*)

Các bản đều viết : « Thấy chàng đau nỗi biệt-ly, Nhẫn ngừng ông mới vỗ-về giải khuyên ». Duy *Vương Kim diễn tự* (bản sao của Bác-cổ, số AB 234 tờ 79 b) chép là « Liệu lời ông mới vỗ-về giải khuyên » và chú rằng « hai chữ nhẫn ngừng là tiếng kinh : nhẫn nghĩa là nhịn, ngừng nghĩa là đừng lại ».

— Đến câu « Rằng : Tôi chót quá chân ra, Để cho đến nỗi trôi hoa dạt bèo », kinh - bản của cụ Kiều-oánh-Mậu (*Đoạn trường tân thanh*, tờ 71 a) chép là «...chót lỡ chân ra ».

— Câu « Bao nhiêu của mấy ngày đang, Còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi », bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh (in năm 1943, tr. 679) chép là « Còn tôi tôi gặp mặt nàng mới thôi ».

— Bốn bản nôm chép là « Nỗi thường nói chẳng hết lời, Tự từ sinh mới xụt-xùi bước ra ». Quốc-ngữ cũ của ông Vĩnh (in lần năm 1920, tr. 172) chép là « trở ra ». Chữ « bước » với chữ « trở » cùng phải nghĩa cả. Duy quốc-ngữ mới (tr. 679) viết là « ra đi » thì mất vần, vì câu dưới là « Vội về sửa chốn vườn hoa ».

— Câu « Thần-thờ lúc tỉnh lúc mê Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao », phường - bản của Quan-văn đường (tờ 89 b) chép là « Thập - chờn lúc tỉnh lúc mê ». Cứ kể ra, trong khi ngủ thì chữ « chập-chờn » hay hơn chữ « thần thờ », cho nên quyển *Việt-nam tự-điển* dẫn câu « Chập-chờn cơn tỉnh cơn mê » vào chữ « chập ».

— Hai bản quốc-ngữ của ông Vĩnh, phường - bản và *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Bác-cổ, số AB 233, q 3 tờ 36 a) chép là « Người yểu-điệu, kẻ văn-chương ». Kinh bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « khách văn chương ». Đến câu dưới, kinh-bản, *Kim Vân Kiều chú* và hai bản quốc-ngữ đều chép « Trai tài gái sắc xuân đương vừa thì », Phường-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « xuân đương gặp thì ».

— Mấy bản nôm và quốc - ngữ mới (tr. 684) đều chép « Tuy rằng vui chữ vu-quy, Vui này dễ cất sầu kia được nào ! ». Quốc - ngữ cũ (tr. 173) chép là « Vui này dễ cất sầu kia được nào ? ». Kinh - bản chép « Vui này đã gác...».

— Đến câu dưới, các bản đều chép « Khi ăn ở lúc ra vào, Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa », duy quốc-ngữ mới (tr. 684) chép « Càng xâu duyên mới...».

— Các bản đều viết « Bẻ bai rầu-rĩ tiếng tơ, Trăm bay lạu khói gió đưa lay rèm ». Duy quốc-ngữ mới (tr 685) chép là « Bẻ lai » mà dịch là « bẻ đi lai lại » thì không đúng : « bẻ bai » nghĩa là déo-dắt.

— Quốc-ngữ cũ (tr. 174) kinh-bản, phường-bản đều chép « Dường như bên nóc trước thềm, Tiếng Kiều đồng - vọng bóng êm mơ-màng ». Quốc-ngữ mới (tr. 686) *Vương Kim diễn tự* và *Kim Vân Kiều chú* chép là « bên nóc bên thềm ». Còn chữ « đồng - vọng » ở về dưới, có bản chép là « mường-tượng ».

— Quốc - ngữ mới (tr. 688) và phường - bản chép là « Tình xưa ân trả nghĩa đền, Gia thân bèn mới, kết duyên Châu Trần ». Quốc - ngữ cũ (tr. 174) và kinh-bản chép là « lại mới ». *Vương Kim diễn tự* chép là « nên lại ».

— Các bản đều viết « Rẽ bèo chân sóng lạc-loài, Nghĩ mình vinh-hiển, thương người lưu-ly ». Duy phường-bản chép là « Ngọn bèo ».

— Quốc - ngữ mới (tr. 691) và phường - bản chép « Phòng xuân trướng rủ hoa đà, Nàng Vân ngẩm bóng chiêm-bao tấy nàng ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Đêm xuân ». Quốc-ngữ cũ (tr. 175) chép là « Phòng hương ».

— Các bản đều viết « Tình ra mới rỉ cùng chàng, Nghe lời chàng cũng hai đường tin nghi » Duy kinh-bản chép là « Tình ra mới nọc cùng chàng » và chú nghĩa « nọc là nói lại ; chữ nọc ấy bắt-chước ở truyện *Hoa Tiên* ».

— Câu « Tú-bà cùng Mã-giám-sinh, Đi mua người ở Bắc-kinh đưa về » kinh-bản chép là « Có mua ».

— Đến câu « Thúy Kiều tài sắc ai bì, Đã nghề đàn lại đủ nghề văn thơ », kinh bản chép là « Thúy Kiều sắc-xảo ai bì, Đã nghề đàn lại đủ nghề văn thơ ».

— Quốc-ngữ mới (tr. 694) và phường bản viết là « Phong - trần chịu đã ê chề, Đày duyên sau lại gả về Thúc - lang ». Kinh - bản và *Vương kim diễn tự* chép là « Tơ duyên sau lại xe về Thúc - lang ».

Còn quốc-ngữ cũ (tr. 176) viết là « giả » thì nhầm, chính là chữ « giá », nôm đọc là « gả ».

— Kinh-bản và quốc-ngữ cũ chép là « Bực mình nàng phải trốn ra, Chẳng may lại gặp một nhà Rạc kia ». Quốc-ngữ mới (tr. 695) chép là « nàng mới trốn ra ». Phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « dứt mình ».

— Câu « chưa tường được họ được tên, Sự này hỏi Thúc-sinh viên mới tường », kinh-bản chép là « Song còn chưa biết họ tên ».

— Phường-bản và quốc-ngữ cũ (tr. 178) chép « Nghe lời Đô nói rõ ràng, Tức thì viết thiếp mời chàng Thúc-sinh ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « đưa thiếp ». Chữ « viết » và chữ « đưa » nghĩa cũng giống nhau. Quốc-ngữ mới (tr. 698) viết là chữ « đệ » là nhầm ở chữ « đưa » ra. Một chức quan gọi một người học-trò tài không phải dùng đến chữ « đệ ».

***

Theo bản *Kim Vân Kiều* của Thanh tâm tài nhân (bản sao của Bác-cổ, số A 953, q. 4, tờ 39 b) dịch như sau này:

Năm ấy Kim-Trọng cùng Vương-Quan đều được vào học ở nhà Phán (tức là ban tú tài), Vương-Quan nghĩ đến ơn Chung-Sự là người đã thu xếp cho Vương ông khỏi nạn, thân hành đến tạ, thì Chung Sự lại xin gả con gái, để hai nhà kết thân. Hết khóa học năm ấy Kim-Trọng và Vương-Quan đều đỗ Hương-bảng (tức cử-nhân). Sau khi xem bảng đỗ, hai người đều thân hành đến Lâm-tri anh đỗ hỏi, đều không thấy tin-tức. Qua ba khoa sau, Kim-Trọng đỗ tiến-sĩ, nhưng gặp tang cha, phải chờ hết tang, được bổ huyện lệnh Lâm-tri, đem cả gia-quyến đến chỗ làm quan.

Có một hôm Thúy-Vân nói với Kim-Trọng rằng: « Đêm qua tôi nằm mê thấy chị tôi, có lẽ ở chỗ này tìm ra tin-tức chăng? » Kim-Trọng chợt nghĩ ra, nói rằng: « Phu nhân không nói, tôi đã nghĩ đến, Lâm-tri Lâm-thanh, chỉ khác nhau có một chữ, biết đâu không phải là nhỏ nhầm để ngày mai ra công-đường, tôi sẽ hỏi tra các công việc xem sự-thể thế nào? » « Thúy vân nói: « Chàng nói rất phải ». Ngày hôm sau Kim-Trọng ra công-đường, gọi tất cả hai bên lại lệ đến hỏi rằng: « Mười ba năm về trước có người tên là Mã giám-sinh, đến Bắc-kinh mua Thúy-Kiều làm thiếp, sự thể việc ấy thế nào, có ai rõ không? ». Không ai giả lời được, chỉ có một người nói: « Việc đã mười ba năm, thì tôi là hậu sinh, không biết rõ. Quan lớn muốn rõ những chuyện đã lâu như thế, trừ phi gọi Đô-lai đến hỏi thì mới biết nổi ». Kim-Trọng hỏi: « Đô-lai trước làm gì ở đây? ». Bọn thuộc-hạ đều thưa rằng: « Tên ấy nguyên là đầu ban nha lại huyện này lâu năm, nay đã già về ở nhà ». Kim-Trọng nghe rồi, liền sai người đi gọi Đô lai, Đô lai đến hầu Kim-Trọng. Kim Trọng hỏi: « Mười ba năm về trước có người tên là Mã Giám sinh lấy Vương Thúy-Kiều ở Bắc-kinh đem về làm thiếp, việc ấy đầu đuôi thế nào? nhà ngươi có hiểu không? ». Đô lai thưa rằng: « Tôi hiểu rõ đầu đuôi việc ấy, nay xin kể. Mã giám-sinh tên là Mã Bất-Tiến, bình-sinh hám rượu mê hoa, gia-tài hết sạch, sau gặp một mụ giàu, hai bên chung vốn buôn người, chuyên nghề lừa những đàn-bà con-gái hương-gia, giả danh làm thiếp, đem về làm xường kỹ, nhiều lắm. Mười ba năm về trước giả làm ông nhà giàu, đến Bắc-kinh mua thiếp, lấy một người con gái, tên là Vương Thúy-Kiều. Kiều là người mười phần phong-nhã, lại khéo về hồ-cầm tân-thanh. Khi đem về nhà, bắt ra tiếp khách, người con gái ấy kiên trinh, cầm dao tự vẫn, cứu chữa một ngày một đêm mới tỉnh. Sau dùng kế « điều hổ ly quần » (nghĩa là bắt con hổ phải lạc đàn), kéo ra một chàng lãng-tử, tên là Sở Khanh, xui Sở-Khanh dỗ Thúy-Kiều chốn đi, giữa đường bắt được, đem về nhà, lột hết áo mặc, cheo ngược lên sà nhà, đánh đến vài trăm roi, Thúy-Kiều bị những khổ hình ấy mới chịu, cách ba năm, gả cho một tú-tài họ Thúc, lại bị vợ cả là họ Hoạn ghen tuông, làm trăm hình nghìn cấp, làm cho khổ sở điêu đứng, Kiều lại phải chốn đi phương khác. Sau cùng lấy một đại-vương. Hai năm trước quân đến Lâm-tri, bắt Mã Bất-Tiến vằm ra trăm mảnh, Sở-Khanh thì bị lột da, đem giời chiếu lại, giả thù Tú-bà, đánh đòn họ Hoạn, chém tại Khuyển Ưng.

Bạc-Hạnh Bạc-bà bắn thây cho nát, cha con họ Thúc, một nhà đều được giữ gìn, Tam hợp, Giác-duyên, hai người đều có hậu-tạng, thật là một người con gái có

(Xem tiếp trang 17)

Thư cho bạn

SỐ MỆNH MỘT CON CHIM CON

Đề nhớ mồng lám tháng mười, ngày giỗ chị Sáu.

BÁCH-THẢO-SƯƠNG

Chị Bân,

Tôi thức giấc, mười hai giờ kém năm. Dưới ngọn đèn lù mù trong gian buồng rộng, lại ngồi vào chiếc bàn con đã sẵn bút mực đợi chờ.

Ít lâu nay, nghe tôi hay thức khuya, chị ngỏ ý phàn nàn và khuyên tôi nên thận trọng sức khỏe. Nghe chị thì tôi vẫn xin nghe, nhưng mà sự thức đêm, đối với tôi bấy giờ, đã là thói quen rồi. Một thói quen rất êm đềm mà rất chua xót, chị Bân ạ!

Huống chi, gần đây, chị lại giao cho tôi một công việc rất cần sự tĩnh mịch cho tinh thần, thì ngoài lúc êm tịnh này, tôi tìm đâu được những giờ lặng lẽ cho tâm trí hơn.

Kể ra thì công việc của chị bắt tôi làm đó nó đã khiến cho tôi đờ quần quại, trong những đêm trường nhiều lắm.

Trước kia, tôi có hay thức giấc như thế này đâu; tâm trí thảnh thơi, ngủ giấc ngủ yên lành của trẻ thơ vô tự lự...

Nhưng mà kể từ khi hai cái tang của gia đình dồn đến thì bạn ơi một tình cảnh tàn, chính là lúc nhớ thiết tha đến người đã khuất. Những phút giây giữa đêm giài, đặc hã hùng bên giường người bịnh lại hiện rõ rệt trong tâm tư; rồi thì gối tràn nước mắt, mộng lại không thành bơ vơ trong cảnh vắng.

Đêm nay, thức giấc tự mười hai giờ, viết được hai mươi lăm dòng thơ cho chị. Hai mươi lăm dòng mà chỉ có hai mươi câu, cái lối thơ có một điệp cú trong mỗi đoạn này, chắc là chị Bân sẽ thích lắm. Nghĩ thầm như vậy, rồi lòng thấy vui vui, khi tôi chợt nhớ một câu thơ Thanh bình điệu. Trong trí tôi nhịp thầm câu: *Trầm hương đình bắc ỷ lan can...*

Đồng hồ gõ hai tiếng đã lâu. Tôi toan tắt đèn. Chợt nghe tiếng đập lạch bạch chạy từ trên trần nhà xuống và ù lá. Tiếng hơi gió đập gấp và mạnh, nghe rõ mồn một, trong đêm vắng, làm tôi giật mình thảng thốt. Khi đã định tuần nghe kỹ, thì là tiếng đập cánh của một con chim đang bay là xà, cánh đụng bốn vách trên trần rầm quàng xoảng và bối rối.

Tôi cầm đèn sọi theo tiếng động của một làn đen loáng lướt qua lại trước mắt.

Mà tôi nhớ tôi ngủ và hỏi mạn:

— Cái gì thế?

— Một con chim bay lạc! Mà à!

Tôi đáp bằng giọng run run vì cơn giật mình chưa nguôi bẫn. Lúc ấy, trong trí tôi, chợt thoáng qua một ý nghĩ «dị đoan»: Một con chim bay vào nhà lúc đêm khuya như vầy có là một điềm bất tường gì đây? Tôi cố ý tưởng ngày ngô như vậy là chơn ngày nhỏ đọc một chuyện tàu mà cái ảnh hưởng nhảm nhí đó in sâu vào tiềm thức.

Con chim chừng đã mỏi. Tiếng cánh đập yếu dần và nghiêng theo lưng cửa mà rơi lăn xuống bên ngạch. Rồi là là, không phải bằng chân bằng cánh, con chim chích chòe lần nhẹ bên tầm tay tôi.

Với bắt nó bằng bàn tay run run, vừa rụt rè vừa e sợ. Không biết tại sao, lúc ấy, bàn tay tôi lại vụng về ngài-ngại đến như thế. Con chim tuột ra khỏi cái nắm hụt hai ba lần, mới nằm gọn trong lòng tay. Tôi reo khẽ:

— A! Bắt được rồi!

Mà tôi ngồi dậy hỏi:

— Bắt nó làm gì?

— Để thả cho nó ra ngoài cho rồi!

Tôi cố ý gằn mạnh hai tiếng «cho rồi!»

Tôi vừa đáp, vừa bước một chân lên thành giường để vỡi thả cái vật mềm mềm nóng ấm đang run trong bàn tay ra khe song trên khung cửa, không kịp nghĩ ngợi và nhìn ngó qua một chút nào.

Tôi mở tay giữa chỗ bờ của kẻ sông, con chim vuột đi và không nghe tiếng rớt. Yên chí là con chim đã bay về tổ được rồi, vì tôi biết cái tổ chim chích chòe vẫn ở cây mai trước sân nhà đó chứ không xa. Yên trí như vậy và cũng yên lòng là đã trục xuất được một điềm bất tường mợ hồ nào mà con chị ấy đã cố ý, hay vô tình, mang vào nhà giữa đêm khuya khuất. Lòng thoáng thấy nhẹ nhõm và hết băn khoăn vì một e sợ không đâu đó.

Chị Bân, đọc tới đây chắc chị sẽ cười cái người bạn bé bỏng và yếu ớt của chị sao mà lại có những ý nghĩ nhút nhát, sợ-sệt nhảm-nhí không đâu như vậy.

Than ôi! Sở sĩ bạn chị có những cái e sợ ngây ngô đó là vì bước đời đang vấp váp phải toàn những sự não lòng, mà cái phút sống bình yên này lại vẫn phải nơm nớp sợ những cái gì cay cực, biết đâu, nó sẽ không xảy đến một cách bất thình lình nữa..,

Thế rồi, trong cái yên lặng khoảnh - khắc, chợt nghe một tiếng kêu thét hãi hùng của loài chim chóc. Tiếp thêm một tràng tiếng kêu thảm thiết kinh hoàng. Tiếng kêu bay theo đã bay mà lướt vụt đi... rồi thì im phắt.

Tôi sửng sốt ngây người, ôi! nếu vậy thì con chim chích chòe kia không về được tổ rồi!

— Mà ơi! chắc là có « cái gì » đã rình chộp mất con chim kia rồi!

Mà tôi « ừ » một tiếng ngắn trong tiếng ngoảy trầu lộp cộp, rồi chầm rãi nói:

— Bắt được nó, sao con không nhốt lại, để sáng sẽ thả ra, nó bị chim dữ đuổi, nên mới bay trốn vào đây đó mà!

Trời ơi! tội nghiệp con chim bé nhỏ nhút nhát vô phúc của tôi! Hơi run run, êm êm, nóng ấm hãy còn giữ nguyên trong làn sức giác của bàn tay.

Than ôi! Cái « điềm gở » của tôi đó chỉ là sự trốn « số mệnh » của một con chim khốn khổ. Lòng tôi thấy nao nao lên. Trời! chính tay tôi đã đem một sinh mệnh — ôi! một sinh mệnh bé bỏng đáng thương biết chừng nào — mà làm mồi cho một « ác thần ». Ác thần, hay số mệnh của con chim khốn nạn, nó là cái gì, là một con cú, con vọ hay loài chim nào dữ dằn đã đón chực sẵn bên ngoài lớp cửa, ở trong tối đen, ở cõi vô hình...

Tôi đè đâu được sự đón chờ kinh khiếp đó. Ôi! *hơi thở nóng ấm* đã bén vào lòng tay tôi!

Lòng tôi thấy thương tiếc, với một niềm hối hận không bờ.. Bạn chị đã khóc và khóc rất nhiều Bân ạ!

Than ôi! người bạn xa làm sao lên lỗi được trong cảnh dài này để mà lau nước mắt cho cô em yếu ớt đáng thương!

Khêu lại ngọn bấc, viết mấy dòng này, lệ theo lòng mực mà bâng khuâng vì hai chữ « *không đà* » Bân ơi!

Trời ơi! « cái gì » đã chực sẵn bên ngoài lớp cửa, ở trong tối đen kia, để đón bắt con chim nhỏ bé của tôi!

Trời ơi! « cái gì » đã chực sẵn ở ngoài cõi đời này, ở chỗ vô hình mù mịt kia, để mà cướp mất người chị thân yêu của tôi.

« Cái gì » đây là cái gì? Là đè được số mệnh oái oăm đón đâu sẵn ở bên bờ Biệt bận.

Ôi! *Thiên trường địa cửu hữu thời tận...*

Chị Bân ạ! Cái buổi chiều đó, buổi chiều cách đây đã hơn bốn tháng. Mồng tám tháng mười năm Nhâm ngọ — ôi, buổi chiều ác nghiệt, nhớ đến mà ta đã run mặt đã nhòa. Qua làn nước mắt, tôi có thấy gì, ngoài cái hấp hối của người chị khổ sở.

Trời! Trong đời tôi sao lại có phút giây nát ruột tan lòng này

Mấy đêm trước, bịnh chị Sáu tôi đã có vẻ lui đi. Tay chơn cử động nhẹ nhàng. Tiếng canh suốt sáng chị không cho tôi rời một bước. Hai chị em nằm cạnh nhau, kể những truyện xưa, chuyện tháng trước, chuyện năm trước, chuyện ngày thơ và tính đến cả công cuộc làm ăn sinh ngày chị mạnh nữa.

(*Xem tiếp trang 74*)

ĐANG IN LẦN THỨ 2:

LÀM BẾP GIỎI

Sách giấy hơn 300 trang. Có thêm nhiều bài mới lạ. In có hạn, Xin trả tiền trước. Không gởi lĩnh hóa giao ngân.

**Giá 10$** *cước phí 1$*

Nhà xuất-bản Phụ - Nữ phát hành. Thư và mandat đề cho:

Bà ĐÀO THỊ MINH
118 Duvillier — Hanoi

Lữ-ký

HAI THÁNG Ở GÒ ÓC-EO

HAY LÀ CÂU CHUYỆN ĐI ĐÀO VÀNG

Số 2

của Biệt-lam TRẦN HUY BA

Xếp hai chân lên ghế, chỗm-chệ ngồi ăn, người ta khạc nhổ ngay bên chỗ ngồi. Bọn bầu sang hai cánh tay chất đầy bằng vài chục đĩa, nào bánh nướng, nào thịt sườn sào, họ tự do đi lại, rủi có đụng chạm vào ai mà rơi vỡ, họ chẳng cần ngoái nhìn. Mà ta là khách vào hàng, lỡ bị thức ăn đổ vào quần áo, họ cũng không cần xin lỗi, ta vào hàng nếu ghế ngồi ăn đã hết, thì cứ việc ghé vào một bàn nào đó, ta sẽ có thức ăn tới liền, nhưng ta chớ bực mình khi thấy tên bầu sáng, mình trần như nhộng chỉ một cái quần tui hở rốn, miệng quát thật to, « ăn gì lớ ? » Nếu ta không cứng bóng vía, thì có lẽ đã giật nảy mình mà ngã ngửa ra.

Khi đương ăn, ta sẽ thấy một người lạ mặt, tay cắp quyển sách, mắt đeo đôi kính trắng, từ từ ngồi vào bên cạnh, vớ ấm nước rót một chén đầy, uống xong, sẽ nhìn vào mặt ta mà nói mấy câu như vầy : « Tướng công có vẻ khả quan, thượng đình to lộng... » Dù ta ngẩng bằng lòng mà mời hắn đi, nhưng hắn cũng cứ ngồi lỳ, làm cho ta phải bực mình là đằng khác nữa. Nếu muốn cho rảnh chuyện, ta cứ đãi hắn một các, thế là ta sẽ được trọn một bữa ăn ngon !

Khi ta ăn xong đứng dậy, tức thì một tên bầu-sáng vội-vàng với lấy khăn lau đầy mỡ mảng hôi ẩm, đưa luôn trên mặt bàn một cái, từ bên nọ tới bên kia. Nếu ta không mau tránh, thì có lẽ những cục xương thừa và giọt nước mắm rớt trên bàn sẽ chẳng từ nơi cái bộ quần-áo của ta đâu. Khi ra chỗ trả tiền ta phải điếc tai, với những tiếng gào lét om xòm. Nếu ta ăn mà số tiền chưa chẵn một các, còn lẻ mấy su, thì đây, thuốc lá tẽ vào, tiện cục than hồng để đó, ta có thể chấm lửa mà hút phi-phào !

Rồi ta ra phố, hai tai ta phải điếc vì những tiếng thanh la não-bạt và kèn sáo tầu ở các cao-lâu, với tiếng lách cách của con bài mạt chược suốt ngõ cọ phố kia. Đi dạo mà xem, chỗ nào cũng chỉ thấy những ăn chơi uống, mà ăn uống cho đến sáng vẫn chưa hết người. Ôi, trông họ ăn mà mình phải ngấy... !

Dạo chơi các phố, người như nêm cối. Từ chỗ này ra chỗ khác, họ đi, tìm thú tiêu khiển ; hoặc vào « Đại thế giới » nếm tên, đánh cò quay (đều là các cuộc chơi cờ bạc) hoặc đến các đại-hiệu họp nhau đánh mạt-chược : tiếng lạch cạch làm cho nhức óc, chói tai ; hoặc đi xem tuồng tầu ở các rạp, nhưng đó chỉ những đàn bà con gái chiếm đa số.

Trong rạp hát của người Tầu, những bức phong-cảnh họ vẽ rất là lòe loẹt, màu nọ chọi mầu kia, làm cho chói lòa cả mắt. Chung quanh tường, họ treo các tấm nghi-môn của các giới công thương tặng họ, đại loại : « Văn-thao võ-lược, thao-lược sảo-năng, v. v. » Chỗ nào cũng toàn là chữ tán thưởng các tài-tử trong rạp hát ấy. Khi màn mở ra, ta phải giật mình về cách phục-sức của các vai trò, thực là rực-rỡ, tưởng mỗi bộ y-phục ấy, đáng giá phải mấy ngàn đồng. Họ hát với giọng rất cao, nhưng vẫn ăn dịp với kèn sáo và nhị, nghe hùng hồn mà êm dịu lắm. Đáng phàn-nàn nhất là : hễ khi có một vai trò nào ra có vẻ ngộ nghĩnh, thế là các hàng ghế của các khán-giả đều đứng cả lên, che lấp hết những hàng ghế dưới, có khi họ còn ngồi cả lên vách ghế để xem cho thỏa nữa. Họ ăn hạt dưa, phun đầy vào kẻ khác. Họ hút thuốc lá luôn mồm, dù đã có các biển đề « Cấm hút thuốc lá ». Thực là đặc vẻ tuồng tầu cả từ sân khấu đến các ghế ngồi xem. Nó đều ăn nhau một dịp. . . . .

Buổi sớm mai

Đi quanh ngoài phố, hễ cứ mục là trông thấy các tấm bảng treo, dài lê thê từ tầng gác thượng đến gần đất, những chữ Hán chi-chít từ trên chí dưới, với nét bút thực giả : hoặc chữ trắng nền đỏ, hoặc chữ đen nền trắng, ít ra mỗi cửa hiệu cũng đến năm bảy chiếc, ở bên phố này ta thấy tấm biển

đề « Đại-Á lữ điếm », thì bên phố kia, « Tân-Hoa tửu lầu » ; trước mặt có « Nhật dạ công yên khai đăng », sau lưng lại « Triệu tịch tửu thái thường hiệu » Thực là rối mắt về chữ nghĩa. Với những biển ngạch trắng đen như thế có lẽ làm át hết các đồ hàng hóa bầy ở bên trong.

Nếu lại tới một nhà hội-quán nào của các hàng bang người Tầu, ta sẽ thấy quy-mô kiến trúc thực là kiên-cố mà huy-hoàng : những mầu triện đồ-sộ nằm trên nóc đình, với những con rồng bằng sứ xanh, vàng, tím, đỏ, những bộ bát-tiên khéo léo, những khung bằng bằng sứ đắp vẽ công phu ; kia bàng ngói ống với rẫy đường sòi, coi rất lất-léo uyển-chuyển ; lại những tấm cửa kính bằng gỗ lồng khung, theo các lối triện gấm của tầu xếp lại : ô xanh ô vàng, trông rực-rỡ mà nguy-nga. Ở bên trong đình, đồ thờ bầy biện, toàn những đồ quý-báu đồ-sộ của các phú-thương tiến-cúng : những bức hoành-phi chạm trổ lất-léo, những câu đối dài lê-thê, lại những vòng hương đường kính rộng hàng ba bốn thước, treo từ trên nóc đình thả xuống đến ngang đầu, lửa đốt hàng tháng không cháy hết. Mà có phải ít đâu, có đến năm bầy chục vòng, đều cháy cả, làm cho khách dư phải ngạt ngạt vì khói hương.

Ở ngoài sân hội-quán, người ta đã lập thành một cái sân đá cầu, mỗi ngày sớm chiều các thanh-niên Hoa-kiều, tụ lại tập dợt thể-thao, đông như chợ họp.

Bây giờ lại thử đi quá ra bờ sông gần đấy, ta sẽ thấy cả hàng nhiệt của các ghe thuyền. Trên bờ thì xe điện chạy, dưới sông thì tầu thủy và ghe thuyền san sát như lá tre, hàng nghìn vạn cái. Kẻ khuân người vác những bom, những bao to sù nặng trĩu. Với những bắp thịt nở nang, bọn phu tầu khuân vác một cả h nhanh nhẹn nhẹ nhàng, mà vui vẻ nữa. Kia, những chĩnh nước mắm xếp cao ngần-ngật như cái núi con ; nọ giành cá khô bày ra hàng dẫy. Những quả dưa đỏ vỏ xanh đen, xếp lên hàng đống, n ữ g rổ rau rổ đậu xếp ra từ g chồng... Nói tóm lại sự hoạt động ở bến tầu này nó đã làm ta nghĩ đến cuộc sinh-hoạt của một thành-phố lớn, mọi ngày tiêu sài ấn phá kể biết chừng nào.... Ấy Chợ Lớn nó đã làm tôi phải nhắc nhở đến hoài, dù tôi đã từ giã nó đ nơi khác....

(Còn nữa)

Biệt lam TRẦN-HUY-BA

Tin buồn trong làng văn

Chúng tôi vừa được tin ông Phương Sơn Nguyễn thiện Chính tri huyện Thanh miện (Hải-dương) vừa tạ thế tại huyện lỵ.

Ông xuất thân là cử nhân tú tài về cựu học, lại là một vị phụ mẫu liêm chính và cương trực đã từng để lại nhiều cảm tình đáng ghi nhớ tại các hạt ông cai trị như Văn Lâm, Thụy Anh v. v...

Ngoài ra ông còn là một nhà văn không những có tài về khoa học mà về quốc văn ông cũng đã trước tác được vài văn phẩm có giá trị như : *Nhân quả tiểu thuyết* — *Uyên hồi tử bình* và nhiều thi phẩm đã từng đăng ở các báo.

Trong dịp buồn đau này chúng tôi xin trân trọng kính viếng hiền linh ông và chia buồn cùng tang quyến.

NHẬT NHAM

Trịnh như Tấu

Đã in xong :

TIẾNG VỌNG SÔNG NGÂN

Thi-phẩm của NGÂN GIANG

A. — LOẠI ĐẶC BIỆT :

1·) 5 bản trên giấy *Bạch-Tuyết* (riêng loại sách này có ảnh tác-giả) Giá : 100 $ 00

2·) 25 bản trên giấy lụa *Tây-Hồ* — 40 $ 00

B. — LOẠI QUÝ :

In trên giấy lụa *Trà-La* Giá : 12 $ 00

Hai loại sách này đều có 2 tranh minh-họa của họa sĩ TRỊNH - VÂN *Bìa do họa-sĩ Trịnh-Vân vẽ bản đá và trông coi việc ấn loát*

Không gửi theo lĩnh-hóa giao-ngân. Mua lẻ, thêm 1$00 cước. Đại lý trừ 25%. — *Thư, Ngân phiếu gửi về :*

Bà DỖ THỊ QUẾ 44, Hàng Bông HANOI.

một con chim cọn

(*Tiếp theo trang 11*)

Một buổi sáng nghe chim kêu ríu rít ngoài vườn chị bảo tôi ghé tai lại vui cười nói :

— Chim kêu vui quá, em à! Nghe chim kêu mà chị nhớ mùa Thanh minh trên mả ông Nội quá chừng. A! sau này, nhớ đưa chị về nằm cới Bà nội nhé!

Tôi gạt đi và nói :

— Chị đừng nghĩ nhảm thế. Chim kêu ở vườn nhà mới vui, chớ tên mả ông Nội mà có vui gì, chị nhớ làm chi? Chị uống thuốc ít lâu thì sẽ mạnh mà ở lại với cha với mẹ chứ!

Chị Sáu tôi cười và vui vẻ uống những muỗng thuốc tội dỗ cho, và cũng vui vẻ nuốt một hai muỗng cháo lỏng. Không như mấy hôm trước, chị cự tuyệt không chịu uống thuốc và cũng không muốn nuốt gì khác hơn là nước lã.

Mấy hôm nay chị ngoan ngoãn và dễ bảo. Cha tôi thấy thế cũng đỡ lo nhiều; buổi cơm, ông đã nuốt được vài miếng; và đêm, ông cũng yên tâm thả nhắm mắt vài tiếng đồng hồ.

Không nghe tiếng rên của người bịnh và thấy chịu thuốc và chịu ăn, như thế thì ai chẳng nghĩ là bịnh đã lại.

Ôi! Sắc tàn nương lại như ngọn bấc bừng lên khi sắp tắt, hay đó là nhờ công hiệu của mấy thang thuốc hồi sinh cấp cứu trong những cơn mệt đã lên cách mấy hôm trước.

Trời ơi! Đó là bịnh dối người! hay là số mệnh gạt người!

Cả nhà chúng tôi đã tin tưởng vui vẻ đón mừng cái ánh vàng đẹp đẽ của làn nắng quái chiều hôm mà « không đó » đó, chị Bản ạ!

Than ôi! còn gì đẹp bằng ánh nắng mái chiều của vầng mặt trời hoi thớp rắc lại chút hơi tàn rực rỡ phút giây cho nhân gian đó!

Đúng đấy, Bản ạ! ánh nắng kia trải loáng gương hồ, rác vàng trên thảm cỏ, nhấp nhánh trên thảm cỏ, nhấp nhánh trên ngọn cây, đầu núi, mà nhìn về tươi đẹp hấp bênh kia, người ta đã quên nghĩ đến đêm tối đen đang chực sẵn.

Hai hôm sau này, chị Sáu tôi không nói nữa, nằm yên lặng, thỉnh thoảng như thiếp đi, muốn gì thì chị thì-thào trong miệng, không vui cười, không bắt tôi ở hiền bên nữa. Vẫn nuốt nước cháo và thuốc. Thấy chị nằm yên không vật vã, thì cũng để yên cho chị nghỉ. Đoán rằng mấy hôm trước vì bệnh hành không ngủ được; giờ thì cơn bịnh dịu đi, nên chị mới ngủ nhiều như vậy.

Chị Bản ạ! chính trưa cái hôm mồng tám đó, tôi cầm thang thuốc sắp sửa đem sắc, thì mệt quá nên ngả mình chợp thiếp đi. Đã ngót tuần, tôi vẫn túc trực bên giường bịnh, miếng cháo chén thuốc đều tự tay tôi làm lấy, đêm cũng như ngày. Người tôi mệt đừ, nhưng vẫn tỉnh táo.

Thế mà, trưa hôm ấy, ngủ thiếp đi một lúc. Tôi mơ thấy đang đứng ở bờ sông. Nước chảy như cắt. Một con thuyền, không phải một con thuyền, là một cái thùng to của miền Nam Trung-kỳ, tôi đã từng thấy người ta vẫn ngồi trong thùng bơi đi dọc bờ biển.

Tôi thấy có người ngồi trong chiếc thùng đó. Nước trôi băng băng, cái thuyền tròn xoay mau theo dòng nước cuộn từ mạn Đông hồ trôi thẳng ra biển. Tôi nhìn theo mà lòng thấy hồi hộp quá chừng.

Chiếc thuyền đó trôi gấp ra cửa biển. Vừa tấn mũi Thủ của bờn Kim-dự thì một cơn nước xoáy, thuyền dắm.

Vừa lúc đó, có người, lay tôi dậy.

Giấc mơ ban trưa đã thoáng qua rõ ràng rất nhanh chóng khi tôi ngủ, lại lờ mờ diễn lại trong trí tôi, khi tôi ngồi bên siêu thuốc đang sôi trên lò.

Nước thuốc cạn rất mau, trên bếp lửa ríu ríu. Tôi mang vào đồ cho chị mấy muỗng thuốc. Chị tôi vẫn nhấp nước thuốc một cách ngon lành. Tôi bảo :

— Em lại đi nấu miếng cháo cho chị nhé!

Chị tôi gật nhẹ.

Thế rồi, trong lúc tôi đang loay quay với nồi cháo con thì một người anh tôi hốt hoảng chạy gọi tôi.

Hai mắt chị Sáu tôi đã có vẻ khác. Thám lại mạch tay thì đã nhỏ như sợi chỉ lặn tăm tăm lẫu như tuyệt hẳn.

Tôi kinh hoàng nhìn hơi thở đưa lên rất nhẹ của người bịnh. Bấy giờ thang thuốc hồi sinh e không kịp nữa. Nơi huyệt hồi dương đã đốt được mấy liều ngải cứu. Trời ơi! Y học đông tây đã có một lần nào cưỡng được với Tử thần không? Đã có một lần nào trả hơi thở lại cho người hấp hối hay không nhỉ?

Ôi! Ngọn đèn sắp tắt, thêm dầu vào thì lửa lại bùng lên — Sinh mệnh sắp tuyệt rồi, ai có phép chắp nối được một chút hơi sinh sống

Chị Sáu tôi, lúc bấy giờ, hơi thở tuy đã gần tàn nhưng nét mặt vẫn bình tĩnh thản nhiên, nhìn mọi người đang cấp cứu cho mình, chị bấy còn đưa mắt nhìn cha tôi run rẩy bước vào.

Nhìn nét đau đớn lo sợ trên mặt già nua của cha già — Chị tôi như cảm động lắm — Chị từ từ đưa cánh tay, đã thôi cử động, nặng nề và chậm chạp vô cùng; chị đã dùng hết tàn lực để nhấc cánh tay đưa ngang mặt. Làn nước trong khóe mắt từ từ trào ra, gom thành một giọt lệ trôn ngưng đọng lại ở đuôi con mắt...

Chị tắt nghỉ.

Trời ơi! Giọt nước mắt! Giọt nước mắt vĩnh biệt cha già đề mà đi qua cõi đời khác.

Trời ơi! Cái chết nhanh chóng ác nghiệt không để cho cánh tay kia gạt kịp giọt lệ nầy. Người chết đã mang theo xuống tuyền đài một giọt nước mắt bạn cướp công cha mẹ muôn đời khôn tan.

Bạn ơi! Lần thứ nhất, bạn chị chứng kiến một phút giây hấp hối. Lại là cái phút giây hấp hối của người chị trẻ còn yêu sống muôn vàn, còn chan chứa tình thương cha mẹ chị em, còn yêu đời tha thiết mà phải dứt áo ra đi.

Trời ơi! Người đi đã không đặng người ở làm sao cho nguôi được. Giọt nước mắt bất tử ở khóe mắt vô tri kia nó có phải là giọt nước mắt nữa đâu.

Trời ơi! Chị Sáu ơi! Nó là một khối lắng, là một giọt máu, một hòn ngọc tiếc thương của chị gởi lại cho em đó!

Tôi đã dứt ruột vì khóc chị, còn phải dứt ruột thêm một từng nữa khi nhìn hai mái đầu bạc khóc con. Tôi hưởng tôi không còn đủ hơi sức mà chịu đựng nổi thảm thiết nầy đâu, Bạn ơi!

Bạn ơi! Một lần mất chị, tan lòng nát ruột là bao nhiêu rồi? Thế mà nỗi lệ chưa vơi, niềm đau chưa đỡ, thì sáu mươi sáu ngày sau lại là ngày mất cha nữa.

Trời mây tang tóc đã nhuốm cả không-gian và thời-gian, bắt đầu từ đấy, Bạn ạ!

Ôi! Bơ vơ khốn khổ thay cho kẻ làm con và làm em này! Mất cha, mất chị, trong khoảng không quá ba tháng trời.

Chả tới mất, sau khi một cơn bệnh mười hai ngày, dùng y

Thống-chế Pétain đã nói:

Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm bổn lộ tinh thần của giống nòi bằng lời nói, cử chỉ, cách làm việc tài sáng kiến và chí phát minh.

khoảng ngày giờ mà người đã đưa chị Sáu tôi từ nhà thương về nhà cho đến ngày chết.

Cha tôi rất thân nhiên tỉnh táo mà chỉ cái giấy phút cuối cùng Trối trăng bề mọi sự về sau, dặn dò đến tóc tơ việc ma chay khâm liệm.

Đàng hoàng trong lễ phục, nét mặt tươi tỉnh với mái tóc sương với chòm râu tuyết.

Một người già từ trần mà cách ung dung, giữ được vẻ đạo mạo của người đạo lão, nằm buông xuôi hai tay áo rộng, mắt nhắm khỉ dở những sợi tơ dài của cặp chơn mày bạc, môi ngậm kín, hai hàm răng nguyên vẹn vẫn giữ nét cười của ngày vô sự.

Đấng Cao dày đã ban cho cha tôi một cái hết đẹp lẽ như thế nhưng hãy còn mang chì một nét hận «tre khóc mắng» trên vùng trán rộng đó.

Trời ơi! Nếu mừng cả tang ấy trong gia đình mà cứ được cho trẻ khóc giả theo lẽ tự nhiên thì đã cất được nỗi hận muôn đời cho những người bia suối!

Chị Sáu tôi mất đi cha tôi thương khóc không cùng. Những lúc canh vắng đêm trường vẫn nghe tiếng cha già rên rỉ. Tự tay sắn sóc chiếc bàn thờ con-con kia như đã nâng niu các con hồi ngày còn thơ ấu.

Nhân nó mà kém ăn kém ngủ và yếu dần đi... Chị Bạn ạ! Tôi đã nhiều lần, nâng giải khăn sô thấm giọt lệ nhà, mà oán hờn số mệnh. Những lúc đau thương thê thảm, tôi ngây thơ mà nghĩ rằng! Nếu trời không bắt tôi mất chị thì chắc đâu thần chết đã cướp nỗi cha già! Ô! Một mái tóc xanh rơi rụng! Ô! một làn tóc bạc vương theo!

Trong các con, cha tôi vẫn có ý mến riêng chị Sáu tôi hơn. Đó không phải là lòng bất công mà là vì chị Sáu tôi vẫn quấn quýt với ông nhiều hơn. Ngoài các anh các chị đã có gia đình riêng, còn lại dưới gối có hai chúng tôi. Nhà vốn không dư dả chị đã bỏ hưng với tuổi xuân mà việc nhà gánh vác nhọc mình lo. Đối với cha mẹ thì trân cam hôm sớm, đối với em thì đề cọ ngày tháng thanh nhàn bút nghiên mãi miệt.

Chị vốn đã không được học, nên vẫn mong có được nhỏ cô e gọi là biết chữ không đến nỗi bỡ vở quyển sách câu thơ.

Than ôi! Cái cô em nhỏ bản tính vốn ngông cuồng, cho nên đã lạm dụng tình yêu thương mong mỏi đó mà tiêu mòn tuế nguyệt. Trời ơi! Tôi đã làm được gì để khỏi phụ lòng kỳ vọng của người chị quí! Học với hành chữ vở nghĩa nào đã có ra gì?

Dưới đèn mở quyển, lệ chảy lã chã nhớ người xưa... Bạn ạ!

Tôi còn nhớ rõ một buổi tối, vào khoảng hai mươi hăm về trước, cha tôi đã lò mò kể bảng đề cho chị Sáu tôi tập viết. Chị vì

không có học nhà trường, cho nên mới bắt đầu tập chữ. Nhớ chị tôi viết được trước nhất là câu ca dao.

Vai mang bức tượng Di-Đà,
Hiếu trung ta giữ gian tà mặc ai.

Chị tập viết một cách ân cần, để mà có cái nét chữ run run gọn gàng sạch sẽ mà chép những bài thơ tôi bảo là hay và những câu chuyện tôi cho là thú.

Chị đã thuộc thơ nhiều cũng như chị đã chép thơ. Và thú vị nhất là chị Sáu tôi cũng đã từng làm thơ nữa, chị Bản ạ!

Nhớ có một bận, tôi cùng một đoàn bè bạn vượt biển. Gặp cơn bạt gió, quá hẹn mà chưa thấy trở về, thế là chị tôi lo sợ cuống cuồng lên. Trong hai ba ngày mong đợi, chị đã gởi niềm lo sợ bằng những câu chữ có vần. Lời tuy cổ ngây ngô mà ý thực là tha thiết.

Và chị Bản! chị có từng nghe nước ta có một xứ « quế » hay không nhỉ? Cái giẻo đất có cửa sông Hương và ngàn thông núi Ngự đó là xứ « quế » của chị Sáu tôi đó, Bản ạ!

Ngày năm trước, cuộc Bắc du cùng với gia huynh, chúng tôi đang dừng ở Huế. Hôm ấy tôi nhận được một phong thư của chị Sáu tôi gởi về Liệu Vân Hòa.

Tôi nhớ không có lần nào đọc thơ nhà thú vị bằng bữa ấy. Chúng tôi đã bò lăn ra mà cười vì câu chuyện chị mách trong thư. Có bà cô đã hốt hoảng mà bảo với chị rằng:

— « Tao nghe nói con Bảy nó đã đi tới Quế rồi! Phải không? »

« Đi tới Quế » vẫn là câu nói cổ của người Nam Trung để mà ngỏ ý đi tới Tràng an, chỗ xa vời lắm của ngày xưa!

Đang ở bên bờ sông Hương, nghe nhắc lại cái câu cổ xưa mộc-mạc đó mà buồn cười. Càng thú vị hơn nữa là cái chữ « Quế » lạ lùng kia!

Ấy nhớ những chuyện vớ-vẩn con-con trong đời bút giấy của người chị thật thà yêu chữ kia mà lòng thổn thức vô cùng.

Hai năm về trước, gian buồng tôi đang ngồi viết cho Bản đây, đâu có trống trải thê lương và vắng vẻ đến thế này.

Trời ơi! Tìm đâu cặp mắt sáng tràn hi-vọng vẫn đưa theo ngòi bút ma dón chở những chữ vừa chảy ướt ra trên trang giấy trắng.

Đêm nay, ngoài trời lạnh lắm, vì những giọt mưa cuối thu. Lòng tôi cũng lạnh lắm vì những giọt nước mắt tưởng rằng đã cuối mùa tang, nhưng mà hãy còn dâng cay như mới vừa mất chị. Lòng trống trải như gian buồng trống trải... Bản ơi!

Ôi! Sao tôi lại viết cho chị Bản bức thư nước mắt này! Nửa đời xuôi ngược, gặp nhau chưa đem được một nét cười tặng bạn, gởi làm chi những niềm đau khổ của ngày qua.

Nhưng mà Bản ơi! *Vô được khả y trường dạ hận!* những đêm sầu khổ như những đêm nay, muốn thiết tha nghĩ đến chị cho lòng đỡ bơ vơ cô quạnh.

Trước kia, tôi vẫn có một người bạn nước mắt đấy chứ! Nay người bạn kia cũng xa vắng rồi.

À! Chị đã biết ít nhiều về người bạn gái phương Bắc của tôi, còn người bạn miền Trung này thì tôi chưa từng kể cho chị biết đó nhỉ!

Than ôi! người bạn Cửa Phố của tôi, chị Hồng Hạnh đa cảm kia đã từng nhiều phen lau lệ cho tôi đó:

Xa nhau nhớ tiếc ngày xum họp
Mà lúc gần nhau lại hững hờ!

Chiều nay tôi đã nhớ đến chị Hạnh rất nhiều, trong khi đọc bài thơ « Mười năm tình nghĩa » của nhà thi sĩ họ Lưu khóc bạn trăm năm.

Chị Thanh Thủy là người bạn quê hương của chị Hạnh lại là người bạn đồng hành với tôi trong một chuyến xe lửa về Thanh. Bèo nước nên quen một chuyến tàu.

Nếu lúc này chị Hạnh vẫn còn ở bên bờ bể Đông thì có lẽ chúng tôi cũng đã khóc với nhau bằng những câu thơ cảm động lâm ly của thi sĩ.

Than ôi! Giọt lệ gia đình tràn đầm gối, còn đa mang chi những giọt lệ khóc bạn gần xa.

Tại làm sao mà tôi chỉ ưng tìm những giọt nước mắt trong văn chương. Phải, chỉ có những giọt lệ trong văn chương là đẹp mà thôi, chị Bản ạ!

Mực đậm, canh tàn, tôi còn viết thêm gì cho Bản nữa?

Bách-thảo-Sương tiểu muội

Viết những đêm cuối mùa mưa năm Giáp thân

Cải chính

Số 168 bài Quan niệm đẹp của Trịnh Vân:

— De la croix xin viết Delacroix (trang 10 cột nhất)

— Trang 10 cột 2 giòng 16 xin đọc là: « Un moi qui ne change pas ne dure pas » (cái của tôi không thay đổi thì không bao giờ bền vững được)

— Giòng 29: C'est le bien xin đọc là et le bien;

là cái hay xin đọc là và cái hay

— Cột 3 giòng 27 xin bỏ chữ những.

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

(Tiếp theo trang 9)

nghĩa có ơn. Còn về việc sau thế nào, thì tôi không rõ ». Kim-Trọng hỏi: « Đại-vương-ấy tên gọi là gì? » Đô-lại nói: « việc này xin hỏi Thúc sinh-viên, anh ta hiện ở làng mở cửa hàng bán gấm vóc, xin Quan lớn cho gọi đến hỏi, sẽ biết rõ ràng » Kim-Trọng bèn lấy một cái danh-thiếp sai lính đưa đến cửa hàng bán gấm, mời Thúc-sinh. Thúc-sinh thấy mời mặc lễ-phục đến ra mắt Kim-Trọng. Kim-Trọng mời vào nhà riêng: hai người chào hỏi xong, đều ngồi xuống. Kim-Trọng nói rằng: « Vương Thúy-Kiều với tôi là con cô con cậu, vì nạn cha bị người ta lừa, nay tôi đã hỏi rõ được nguyên ủy, nhưng không hiểu hắn theo vị đại-vương nào? Người ở đâu? Họ tên gì? Nghe quý-huynh biết rõ căn-do, nên mời đến hỏi » Thúc-sinh đáp: « Tiểu-sinh chính vì cái lụy vợ cả, cho nên mới sinh chuyện như thế. Khi tôi đến dinh quan, phải chờ đợi lâu, thừa nhân hỏi nhỏ tên quân, họ đáp rằng: Chủ suý hắn tên Hải họ Từ, tên tự là Minh-sơn, là người Việt-đông, tài kiêm văn võ, sức chùm ba quân, là gì quốc-sắc thiên-tài, hai bên gặp nhau, ý hợp tâm đầu, Từ-Hải bỏ tiền ra thục-thân cho lệnh-muội, về ở một chỗ. Cách biệt ba năm, thành một đảng giặc to, quân hơn mười vạn, cho người đón đón lệnh muội làm phu-nhân, đại-binh đi đến đâu được đấy, lúc ấy quân đóng ở Mân, Tích, nghe độc phủ chiêu hàng mãi không được, vì có lời khuyên của phu-nhân, ước thúc ba quân, không dám phụ nữ, không giết già trẻ, không đốt nhà dân, không đào mả cũ, một vùng đông-nam đều nhờ ơn vương phu-nhân. Còn ngoài ra thế nào không rõ ». Kim-Trọng nghe xong, thở dài một tiếng, đưa Thúc-sinh về nhà, rồi nói với cha vợ mẹ vợ em vợ, sẽ rõ một lượt; nói một câu như dao cắt ruột, ai nghe kể lại cũng động lòng thương, nhưng vì ở chỗ công-đường không dám khóc to, cố nức nở khóc không ra tiếng.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐỌC SÁCH

« VIẾT BÁO »

Cuốn « Viết báo », là tập ký-ức của các nhà văn Tam-lang, Phạm cao-Củng, Hoàng Gia và Phùng bảo-Thạch thuật lại những mẩu đời « viết báo », những bước vinh nhục của nghề.

Đọc « Viết báo » chúng ta sẽ nhận thấy cái nghề « viết » ở xứ này không được sung-sướng gì cho lắm mà người cầm bút chỉ là một người thờ một lý tưởng.

Ông Phùng bảo-Thạch viết:

« *Viết chẳng những để báo đáp đời mà còn là giải thoát cho mình nữa* » (trang 155).

Thật thế, các bạn làm văn sẽ thấy lòng mình « giải thoát » được ít nhiều mỗi khi được rốc ít tâm sự trên trang giấy trắng và có lúc được bài lòng là tư tưởng mình — dù còn non nớt — được người đọc mình lưu ý, ở đời có một tri âm đã quý mà nhiều tri âm thì quý biết chừng nào!

Ở các nước, nghề viết văn, viết báo rất cao quí, người cầm bút sống cái đời vinh quang bao nhiêu thì ở xứ này nó « bạc bẽo » làm sao, mặc dầu thế phấn đông đã chót theo nghề, vào nghề vẫn biết sức trung thành với nghề.

Dù sao, một cơ-quan ngôn luận không ruộm một mầu sắc nào cũng là một ngọn đèn sáng giữa lúc đêm tối, chỉ cần người cầm đèn ấy biết dọi nó bằng một cách khôn khéo cho khỏi tắt, khỏi mờ, nhưng trước những cơn gió tấp, mưa xa, liệu ngọn đèn ấy có cùng với nhật nguyệt tranh sáng không hay tại bị thời gian hay thế gian làm tắt bẩn, cái đó là bí-quyết của người cầm bút « viết báo ».

Cuốn « Viết báo » này sẽ giúp ích cho ai muốn biết tâm sự nhà văn nhà báo và khảo về lịch trình tiến hóa của báo-chí xứ này tuy chỉ là bầu tâm sự của mấy bạn trong nghề, nhưng lại là những bài học rất hay, những kinh nghiệm rất chắc-chắn cho những người muốn nhập tịch làng báo, nó lại còn là phản ảnh những thành tích vẻ vang của mấy tờ báo xưa kia từng khua chiêng, rỏng trống trên văn-đàn.

Đọc hết « Viết báo » tôi có cảm tưởng như thấy các bạn đồng nghệ vật lộn với nghề, bị sinh cho nghề mà nghề « bạc bẽo » đã bạc đãi các bạn vì nó không nuôi sống những người đã thành tâm thờ phụng nó.

Hỡi các bạn làng văn, làng báo! Không phải vì chúng ta theo một nghề « bạc bẽo » mà vội nản lòng, chúng ta nên sốt sắng, vui lòng cầm cán viết cho vững đừng để cho ai day chuyền lòng ta, mua chuộc thân ta như người ta đã mua những thực-phẩm hàng ngày: con cá, lá rau, ở ngoài chợ vậy.

T. K.

SIÊU VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 103

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa giáp tuất (1514) là năm thứ sáu hiệu Hồng-thuận đời Lê Tương-Dực, lấy bốn mươi ba ông đỗ tiến-sĩ. Ba ông đỗ nhất giáp kê tên sau này:

1. — **Nguyễn-đức-Lượng**, người xã Canh-hoạch, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Năm năm mươi tuổi đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ đệ nhất danh (Trạng-Nguyên) khoa giáp-tuất (1514). Nguyên tên là Hễ, chính tay vua Lê Tương-Dực viết đổi là Đức-Lượng. Ứng chế hợp cách. Có phụng mệnh đi sứ Tàu. Làm quan đến Lễ bộ tả-thị-lang, lúc mất được truy tặng thượng thư. Là con Nguyễn-bá-Ký (nguyên quán ở xã Huân-nội, huyện Chương-đức, đỗ nhất giáp tiến-sĩ khoa Mậu-thìn 1448, có tiếng văn-học, được vua yêu dùng, làm quan đến văn-minh-điện đại-học sĩ). Sinh ra Nguyễn-khuông-Lễ (đỗ cống tiến sĩ khoa ất-vị 1535). Là cậu Nguyễn-Thuyến (đỗ trạng-nguyên khoa nhâm-thìn 1532).

Tương-truyền (Nguyễn-bá-Ký mời thầy phong-thủy tìm đất, được một huyệt ở làng Cao-xá. Gần đến ngày đem hài-cốt tiền-nhân đến táng, thì cập Nguyễn-doãn-Địch (đỗ thám-hoa khoa tân-sửu 1481), quê ở Kiều-dương, ngụ ở làng Canh-hoạch) có người con trai mắc bệnh lại (một thứ bệnh phong), làm cái lều để dưỡng bệnh chính trên giữa huyệt. Nguyễn-Hễ tức Đức-Lượng, muốn lấy tiền lực đuổi không được, mua đất tiền cũng không được; công-tử bệnh-lại bảo Nguyễn-Hễ rằng: « nghe nhà ngươi có cô em gái chưa chồng, so với nhà tôi cũng là môn đăng hộ đối, xin nhà ngươi sẽm cát nhân đổi cát địa thì được ». Nguyễn-Hễ đem câu chuyện nói với mẹ, để mẹ nói lại cho em gái biết. Người em gái nói rằng: « nếu chỗ đất ấy yên được hài-cốt tiền-nhân và thành danh-mệnh cho anh, để kế lấy nghiệp của cha, thì em đâu dám tiếc ». Rồi bằng lòng cho bên kia kết hôn. Không ngờ, sau khi say rượu, công-tử bệnh lại ngộ phong, lăn xuống đất chết ngay. Người em gái chạy về bảo, Nguyễn-Hễ thất kinh nói rằng: « Phúc-địa chưa được, mà đã bị chuyện giết người lỗi này đổ cho ai, mên về bên nhà chồng, mà nói khó với họ, may ra mới khỏi tội ». Sớm hôm sau, người em gái đi về báo cho họ hàng nhà chồng ở Kiều-dương. Khi họ hàng đến nơi, thì mới đã đủ Thành năm. Nguyễn-Lễ than rằng: « May thay công-tử bệnh lại, phúc thay công-tử bệnh lại, đã được người tốt mà đất tốt cũng không mất! » Thầy địa lý nói rằng: « Em gái ông có mang rồi, sinh ra trạng nguyên, ông là cậu trạng-nguyên, cũng chẳng bại gì! Nhưng kiểu đất này vượng lắm, phụ-táng cũng phát trạng-nguyên ». Nguyễn-Hễ y theo lời nói, táng được ba năm, thì đỗ trạng-nguyên, người em gái sinh ra Nguyễn-Thuyến, sau cũng đỗ trạng-nguyên. Người đời bấy giờ khen là trạng cậu, trạng cháu » (*Đình-nguyên phú-lục*, bản sao của trường Bác-cổ, số A 1205, tờ 22a-b). Chép ra đây câu chuyện này, chỉ không nên

2. — **Nguyễn-chiêu-Huấn** người xã An-Khang, huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn kinh-bắc. Đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập đệ đệ nhị danh (bảng-nhãn) khoa giáp-tuất (1514). Được mấy năm thì nhà Lê mất, ông tiếc rằng không kịp ra làm quan, bèn ra theo Mạc. Năm nhâm-dần (1542) hiệu Quảng-hòa nhà Mạc, sung chức phó-sứ sang cống nhà Minh, và vì Mạc-phúc-Hải xin phong, khi đi sứ về, có công được thăng thượng-thư. Là ông nội Nguyễn-khắc-Khoan đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu tuất 1599 (*Đăng-khoa bị-khảo* q. Kinh-bắc, tờ 58b, *Đăng-khoa lục* (q. 2, tờ 12a) chép ông sinh ra Nguyễn-khắc-Khoan.

3. — **Hoàng-minh-Tá**, người xã Hoàng-xá, huyện Cẩm-giàng, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ đệ tam danh (thám-hoa) khoa giáp-tuất (1514). Làm quan đến tham-chính. Khi Mạc-đăng-Dung cướp ngôi, ông không chịu theo, vì vua mới, tất các quan cũng phải bên-châu, ông chống nhau với Mạc rồi bị chết, về sau trung-hưng (1533 - 1548) chép vào tiết nghĩa (*Đăng khoa bị-khảo* q. Hải-dương, tờ 31 b). *Đăng khoa lục* (q. 2, tờ 12b) chép ông làm quan đến thừa chính sứ.

Đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân được hai mươi ông kể sau này:

1. — **Nguyễn-Vũ**, người xã Thiên-mỗ, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây, Nguyễn trước đỗ hương-công (tức cử-nhân bây giờ) viết chữ tốt, được vào hầu vua Tương-dực học. Đến khi vua Tương-dực khởi nghĩa, ông đi theo, dần dần thăng đến Binh-bộ hữu tả-lang, rất là sủng hạnh. Năm mươi tám tuổi, đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp tuất (1514). Lúc văn thi hội ông không đỗ, vua cho vào đình đối, rồi cho đỗ đầu chính-bảng (tức nhị giáp). Không bao lâu, thăng Hình-bộ thượng-thư, kiêm Bảo-thiên-điện đại-học-sĩ, Hàn-lâm thừa-chỉ, vào hầu của kinh-diên. Đến khi Trịnh-duy-Sản thí nghịch, ông bảo con rằng: « Ăn lộc của vua, nên chết để nạn của vua, cấm con chớ theo Trịnh-duy-Sản dàng được, ấy là hiếu đó. » Rồi khảng khái chịu nạn, bị Trịnh-duy-Sản giết, năm ấy ông sáu mươi tuổi. (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 5 a-b). về việc Nguyễn-Vũ bị giết, *Khâm định Việt-sử* (q. 26, tờ 28 a-b) chép như sau này: « Năm bính-tý (1516), vào khoảng tháng tư, Cước Nguyên quận-công là Trịnh-duy-Sản giết vua Tương-dực ở Châu-tước-trì (thuộc phường Bích-câu), thừa nhân là Nguyễn-Vũ cũng bị giết. — Nguyễn-duy-Sản thường cau vua nhiều ý vua, vua giận sai lấy thương đánh Sản bèn cùng bọn Lê-quang-Độ, Trần-chí-Sâm mưu việc phế lập, sắm sửa thuyền bè và khí giới, họp nhau ở bến đò Thái-cực (thuộc phường Thái-cực, huyện Thọ-xương), nói rao lên là đi đánh giặc, dương đêm đem hơn bốn nghìn quân Kim-ngô hộ-vệ vào cửa Bắc-thần, đốt lửa cho sáng, vua trông thấy lửa sáng, tưởng giặc đã đến, lên ra cửa Bảo-khánh, trời thì tối mà cứ đi, chứ không có đèn đuốc gì cả, qua cửa Thái-học đến Châu-tước-trì ở phường Bích-câu gặp Duy-Sản, hỏi: « giặc ở đâu? » Sản không đáp, ngảnh ra phía khác rồi cười; vua quất ngựa về phía Tây, Sản sai vũ-sĩ tên Hạnh (không rõ họ gì) đuổi theo đâm vua ngã ngựa rồi giết chết. Khâm-đức hoàng hậu cũng ở nhà vào lửa chết, quân sĩ lấy hai tử-cung đưa về táng ở lăng Ngu-Triêu, giáng vua làm Linh-ẩn-vương. Trước là vua Tương-dực làm vua được tám năm, thọ hai mươi bốn tuổi. Nguyễn-vũ người xã Thiên-mỗ, huyện Từ-liêm, lúc đầu theo vua [illegible] Binh-bộ tả-thị-lang, vua Tương-dực rất là yêu quý. Đến khoa giáp-tuất, Nguyễn-Vũ thi hội văn trong đỗ, vua đặc cách cho vào Đình-thí, rồi lấy đỗ nhị-giáp tiến-sĩ, thăng Hình-bộ thượng-thư, Kiêm Bảo-thiên-điện đại-học-sĩ, hàn-lâm viện thừa-chỉ, vào hầu của kinh-diên, ngày đêm uống rượu đánh bạc ở Nội-điện, người đời khinh bỉ, đến lúc ngài vua bị hại, bảo con rằng: « Ăn lộc của vua nên chết về nạn của vua », rồi vội vàng chạy theo vua, bị Duy-Sản giết nốt.

2. — **Nguyễn-tự-Cường**, người xã Tam-sơn, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp tuất (1514). Làm quan đến niên sát-sứ. Lúc bấy giờ Mạc đăng Dung cướp ngôi, ý muốn dùng ông để thu nhân vọng, ông nói rằng: « Hễ làm nhân thần mà bất nghĩa, thì nên vẫm thấy ra một vạn mảnh, chứ lẽ nào ta lại theo mày là thằng giặc của nước! » Nói rồi bỏ chức quan về làng, làm bịch truyền đi các nơi, kể tội nhà Mạc, khởi nghĩa binh đánh nhau với Mạc-đăng-Dung ở sông Triều-đức, nhưng lúc được lúc thua không phân hơn kém, ông biết việc không thành, sợ Mạc-đăng-Dung làm nhục, bèn uống thuốc độc chết. Sau nhà Lê trung hưng (1533-1548) chép ông vào sổ tiết-nghĩa, phong làm trung-đẳng phúc-thần. Là con Nguyễn-Hữu (đỗ tam giáp khoa 1487), gọi Nguyễn-khiết-Túc (đỗ nhị-giáp khoa 1496) bằng cậu. Là em Nguyễn-hy-Tái (đỗ nhị-giáp khoa 1511). Anh họ Nguyễn-hòa-Trung và Nguyễn-Tảo (cũng đỗ tam giáp khoa 1513). Thế là cha con, anh em cũng đỗ đại khoa mà anh em cũng làm quan một triều. Thời bấy giờ nhà được vinh hiển như thế (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 35 a-b).

(*Còn nữa*)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giá báo

1 năm	35 $00
6 tháng	18 $00
3 tháng	9 $00
Mỗi số	0 $70

ĐẠI NAM ĐẾ SỬ

Số 51 *Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXXII — Lê Long-Đĩnh (*bài nốt*)

Năm 1004 Lê Hoàn sai con là Minh Đề sang nhà Tống. Được hơn một năm thì Lê Hoàn mất (vào tháng hạ năm 1005), các con tranh nhau, thành ra « trong nước có loạn. Minh Đề không về được, phải ở lại Quảng-châu, tri-châu châu Quảng là Giao-Nhân bổ lệ cấp lương sứ giả, nên vua Tống ban chiếu cho riêng năm mươi vạn quan tiền và một trăm nam mươi bộc gạo, lại truyền cho theo lệ cấp lương sứ giả » (*Đại-Việt sử ký toàn thư*, q. 1, tờ 27 b).

Đến tháng sáu năm bính ngọ 1006, vua Tống nghe nước ta nổi loạn, sai tri-châu châu Quảng là Lăng-Sách cùng với đô-biện an-phủ-sứ là Thiệu Việp sang kinh-lý rồi tâu về bọn Lăng-Sách tâu rằng : « Chúng tôi đã nhận ở châu Liêm đưa lại hơn một nghìn người là bọn Hoàng-khánh-Tập ở Giao-chỉ, bọn ấy nói các con Nam-bình-vương (Lê-Hoàn) đều chia ra bè đảng lập thành trại sách, các hiền-thuộc mỗi người mỗi nơi nhân-dân lo sợ, xin đem quân sang dẹp, bọn Tập tình-nguyện làm tiền phong, có thể lấy ngay được (?). Nếu triều-đình chuẩn y lời thỉnh cầu, xin cho lấy các quân đồn ở các châu thuộc Quảng-nam (tức là tỉnh Quảng-đông bây giờ-xem *Khâm-định Việt sử*, q. 1, tờ 42 a), và thêm năm nghìn binh-tốt ở Kinh Hồ, quân thủy quân lục đều tiến, thì dẹp yên ngay ».

Vua Tống nói rằng : « Nếu Lê thường sai con sang chầu, hơi gốc bề ở yên ổn, khiến mất lòng trung thuận ; nay nghe Nam-bình-vương mất, chưa có lễ đến, vội đánh người trong thì có lang, đứng vương giả không làm những việc như thế. Rồi ban chiếu cho bọn Lăng-Sách phải theo mưu mà vỗ-về yên-ủi để cho cõi đất ấy được yên-tĩnh. Lại sai Thiệu-Việp đem hư phủ-du cho rõ uy đức của triều-đình, không được tàn hại nhân trong chỗ cốt-nhục ; nếu lâu không định được ngôi, mà để bên thiên-triều phải động binh, thì họ Lê sẽ không còn di-chủng ». Lê Long-Đĩnh sợ sai em sang cống ». (*Đại-Việt Sử-ký toàn-thư*, q. 1, tờ 27 b và 28 a).

Cùng trong năm ấy (1006) vua Tống lại sai Thiệu-Việp đem việc nước nói cho Minh-Đề biết, và bảo Minh-Đề muốn về hay ở lại, được tùy ý ; nếu muốn về thì sẽ cấp cho giấy sứ-quán, tiền bạc, người và thuyền đưa về. Khi Minh-Đề về khỏi, Thiệu-Việp muốn thừa cơ lấy nước ta, bèn dâng bản địa-đồ đường thủy đường lục từ châu Ung đến châu Giao, vua Tống đưa cho cận thần xem, rồi phán rằng : « Giao-châu là chỗ lam-chướng, nếu đem quân sang đánh, tất là chết hại nhiều ; chỉ bằng cứ cẩn-thận giữ lấy cõi đất của tổ-tông mà thôi » Việc ấy sau bỏ » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 1, tờ 28 a-b)

Tháng mười năm ấy (1006) gặp ngày sinh-nhật, Lê Long-Đĩnh sai người lấy tre làm một ngọn núi nhỏ và bao chỗ quân thần ăn yến.

Đến tháng tám năm sau (1007) « sứ nhà Tống sang sắc phong Lê Long-Đĩnh làm Giao-chỉ quận-vương kiêm chức tiết-độ-sứ ở Tĩnh-Lải-quân, cho tên là Chi-Trung, và phong tước cho bọn Minh-xưởng và Hoàng-thạnh-Nhã. Tháng chín, được ấn « Giao-chỉ quận vương » và cờ tiết, bèn sai chức chuyển vận-sứ Quảng-nam đem sang cho. Nguyên xưa phong cho Giao-châu, chỉ có tiết-việt (tiết là tiết trẻ khắc bọ tên chức tước sứ-giả ; — việt là lưỡi vót vua giao cho tướng đi đánh giặc, hoặc chức tổng-trấn một phương có quyền thay vua chém giết kẻ có tội), chưa có tước vương. Tống Chân-Tông cho rằng cõi Giao-châu xa xôi, nên có « ân mệnh của triều-đình », mới trấn phục nổi, đặc cách sai đúc ấn Giao-chỉ quận-vương đem cho, lại truy phong Đại-hành làm Nam Việt Vương, sắm sửa đủ lễ cho sang tế đến ». (*Đại-Việt sử ký toàn thư*, q. 1, tờ 28b, và *Khâm-định Việt-sử*, q. 1, tờ 43b)

Về việc sách phong, *Tống-sử* (q. 7, tờ 6a, dòng 7) chép rằng « Năm thứ tư hiệu Cảnh-đức (1007) đời Tống Chân-tông. Tháng bảy, ngày ất-hợi, Giao-châu đến cống, cho Lê Long-Đĩnh (sử-tàu chép nhầm là Đinh) chín kinh và sách nhà Phật. Ngày tân-tỵ, cho Long-Đĩnh làm Tĩnh-hải quân tiết-độ-sứ, Giao-chỉ quận-vương, cho tên là Chi-Trung. Tháng chín, ngày kỷ-tỵ, cho ấn « Giao-chỉ quận vương » và cờ tinh sứ tiết ở An-Nam ». Đến tờ 6b, dòng 12, *Tống sử* chép rằng « Năm thứ nhất hiệu Đại-trung tường-phù (1008) Tống Chân

tông, gia phong Giao-chỉ quận-vương Lê chí-Trung chức công-thần thực ấp ». Đến tờ 8b dòng 5, lại chép rằng : « Tháng mười hai ngày tan-hợi năm ấy (1008) Tống Chân-tông gia phong Giao-chỉ quận-vương Lê chí-Trung chức đồng bình chương-sự ».

Cứ đem đối chiếu thì sử ta và sử tàu có chỗ khác nhau, như việc sử Tàu sang phong vương, sử ta chép vào tháng tám, sử tàu chép tháng bảy ; còn việc phong làm công-thần thực-ấp và đồng bình-chương, thì sử ta không chép đến. « Công thần » và « bình-chương » là chức nhất phẩm của Tàu : sở-dĩ sử ta không chép có lẽ là tại nhà Tống bấy giờ vẫn có ý làm-le sang lấy nước ta.

Trong năm thứ nhất hiệu Cảnh-thụy (1008). Lê Long-Đĩnh phong vợ làm Cảm-thánh hoàng-hậu, phong con nuôi là Lê-ốc-Thuyên làm Tam nguyên vương (có sách chép là nhị-nguyên vương) (*Khâm-định Việt sử* q. 2, tờ 1a).

Đến năm thứ hai hiệu Cảnh-thụy (1009), đô-đốc Kiều-hành-hiến (*Toàn-thư*, q. 1, tờ 29b chép : « Ngô-đô-đốc Kiều-hành-hiến đẳng », thế là hai người) tâu xin đào cảng, đắp đường, dựng bi-hậu (chòi canh bằng đất có dựng bia ở trên, gọi là bi-hậu) ở Ái-châu (Thanh-hóa). Vua Long Đĩnh nghe theo, xuống chiếu bắt quân dân châu ấy đào cảng, đắp đường từ cửa ải Chi long (nay thuộc huyện Nga-sơn, xưa là huyện Chi-nga) qua Đĩnh-sơn đến sông Vũ-lũng (Vũ-lũng là châu thuộc tỉnh Thanh-hóa, không rõ về phủ huyện nào bây giờ).

Tương truyền chỗ sông Vũ-lũng, nhân-dân lội qua phần nhiều bị hại. Vua Lê Long-Đĩnh nhân vào Ái-châu, đến sông Vũ-lũng sai người lội thử, ba vòng không việc gì, nhưng cũng sai đóng thuyền để ở bên sông Vũ-lũng. Tất cả bốn chỗ để chở người qua lại (*Khâm-định Việt-sử*, q. 2, tờ 1 b ; và *Đại-Việt sử-ký toàn thư*, q. 1, tờ 29 b). Mùa thu tháng bảy năm ấy (1009). Vua Lê Long-Đĩnh thân trình châu Hoan-Đường (nay phủ Anh-sơn, tỉnh Nghệ an) và châu Thạch-hà (nay huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh) đi đến Hoàn-giang (không rõ chỗ nào) sai phòng-ái-sứ là Hồ-thủ-Ích đem hơn năm nghìn quân ở châu Hoan-đường dọn đường đi từ con sông giáp đấy đến cửa bể Nam-giới (giáp giới hai huyện Thiên-lộc và Thạch-hà) để quân đi cho tiện. Thuyền rồng ra khỏi Hoàn-giang đến ngoài bể, tự nhiên sóng gió ầm ầm, mây mưa mù mịt, bèn sai quay thuyền về, sợ đường bể hiểm trở, đi đường bộ về kinh-sư Hoa lư. (*Đại Việt sử-ký toàn-thư*, q. 1, tờ 29 b và 30a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

HỘP THƯ

Ô. Phạm Trường Qui Nhơn : Hết 1944 phải giả tòa báo 12$ 6 tháng rưỡi.

Ô. Nguyễn triều Trang Hongay : Hạn báo đến 15-12 44 hết hạn. Xin gửi tiếp hạn mới theo giá mới.

Ô. Hoàng hữu Như Vinh : Hạn báo 15-6-45 hết.

ĐÃ CÓ BÁN

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾU

DƯƠNG QUẢNG HÀM Giáo sư trường Trung Học Bảo-Hộ Hà-nội — 500 trang khổ lớn 15×22

DANH TỪ Y HỌC (TẬP A VÀ B)

PHẠM KHẮC QUẢNG Y-khoa Bác-sĩ — LÊ KHẮC THIỀN Ngoại-trú Y-sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÁNH Luật-khoa Tiến-sĩ Thẩm Phán tại tòa Thượng-thẩm Huế, 350 trang khổ 13×20

Nhà in XUÂN THU, 214, Hàng Bông — Hanoi

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân lòng An-Tư công-chúa và Thoát-Hoan, đạo thư quốc nan dã. »
Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫn thân

NGUYỄN HUY-TƯỞNG

Số 19

Quốc-Toản nói:

— Chú làm thế thì không được. Không ở nào cháu để cho chú tính đến nước công này? Tài trai không tự vẫn.

— Ta không phải là tài trai.

— Chú không muốn cũng phải là tài trai. Chú có tài trời cũng không thiết được với cháu. Chú hãy nghe cháu. Chú phải tính ngộ mới được. Chú mê hồi sao? Bà ở nhà được tin chú quyên sinh còn vui thú gì nữa! Chết thì phải chết cho anh hùng, cho đáng mặt tài trai, cho đường hoàng chính chính; chết thì phải chết trên trường tranh đấu, sao chú lại chết tầm thường như thế phí cả công sinh dưỡng phí cả tiếng nhà, phí cả tài trời. Chú hãy nghe cháu: gươm của Thái úy không để chú tự tử, gươm báu này dùng để giết quân thù, để rửa hận. Chú Thông chú đã tính chưa?

Ngọn đuốc mà Quốc-Toản vứt bên đường đã tắt ở, chỉ còn than hồng rừng rực. Kiếm của Chiêu-thành vương đã bắn ra xa. Vương tức tực, không tự chủ được, mắng Quốc-Toản:

— Toản, việc gì đến mày?

Hoài-văn hầu đáp:

— Chú đừng nóng nảy. Chú mắng, cháu xin chịu, nhưng chú nên nghĩ lại.

Trần Quỹ cũng vừa tìm tới, và đoàn quân Tinh-cương vây bọc lấy Vương, người nào cũng ngơ ngác, nhiều người mừng quá, ứa nước mắt khóc. Đuốc cháy bùng bùng chiếu toàn những nét mặt quen thân quyến luyến. Vương tự tiện với đoàn quân bản bộ Trần Quỹ, vẫn một giọng trung thành, của một người gia tướng già lúc nào cũng chăm-chút đến người chủ trẻ tuổi:

— Vương-gia kém cho chúng con phải một bữa hãi hùng.

Vương không nói gì. Vẻ giận dữ pha chiều bẽn-lẽn. Chợt có tướng lệnh của Hưng-đạo vương đòi Chiêu-thành vương lên có việc khẩn cấp. Tinh thần trọng kỷ luật rất khắc khổ của Vương khiến Vương cúi đầu vâng lệnh.

Rầu rầu chàng theo chân sứ lên ngựa. Thái độ bất phục, cọn mắt cầm hờn, vẻ mặt khinh bỉ, mỗi lần một bén ít. Tới trước thềm, Vương xin sứ giả một lát để sửa lại nếp khăn, xốc lại áo giáp mà Vương biết là không tề chỉnh. Bước vào, thoạt nhìn thấy Quốc công, chàng đã dịu những cơn bão tập trong lòng. Chàng cúi đầu như một người học trò có lỗi. Chỉ một nhời nói của con người khoan hồng kia cũng đủ làm cho Vương trở lại thăng bằng. Lòng hờn ghét, Thượng-hoàng, ý trách móc Quốc-công thấy đều tiêu tán, không dám cãi, Vương chỉ vâng dạ, khi chàng lui ra, lòng chàng hân hoan nhẹ nhẹ. Chàng tiện đi quan niệm hẹp hòi về tình ái, không xứng với giai nhân, và chàng chạy đi tìm An Tư, để mang truyền cho nàng một nguồn sống mới...

Tiếng ngâm ca của họa mi vừa rứt, thì chàng lại tiếp bảo An-Tư:

— Công-chúa đừng quá tu phiền; duyên của ta chưa vỡ.

Nàng ngạc nhiên:

— Vương tính còn gì nữa, sắp vĩnh biệt...

— Vĩnh biệt là thế nào? Ta tạm biệt nhau hôm nay. Hạ sang, tôi xin tiện gặp Công-chúa ở kinh thành.

— Tội còn mặt mũi nào trông thấy Vương nữa?

— Công-chúa không nên nghĩ thế. Dù sao đời, vật đổi, tình nghĩa đôi ta vẫn còn.

— Thất thận cùng giặc...

— Đó là tiểu tiết. Công chúa là bậc anh thư, không nên câu nệ mới được.

— Chiếc thân nhơ nhuốc.

— Trinh bạch lắm lắm trong lòng. Xin Công-chúa đừng quan tâm đến việc ấy mà phụ tấm chân thành hay.

Vì Vương chân thành, nên tôi lại càng hổ thẹn? Không đáng...

— Công chúa nghĩ nhầm. Giữ nguyên vẹn tiết trinh như một kẻ thông thường thì ai không giữ nổi? Có gì là đáng lạ? Ta ở cảnh biến, không xử sự được như cảnh thường. Trước kia tôi cũng mường mộ khi Công chúa ra đi thì không bao giờ chúng ta còn có cơ nối lại mối duyên. Nhưng Quốc-công giảng rõ, tôi đã thoát khỏi thói thường. Quan-công hàng Tào đến nay vẫn còn nêu gương trung nghĩa...

Công-chúa cười chua chát:

— Vương nói quá. Quan-công là chuyện khác.

— Xử sự tố khác nhau, nhưng lòng trung trinh là một. Chính tôi cũng đã định quyên sinh, nhưng tôi đã tỉnh ngộ. Chết đi mà uổng giận sao bằng sống để chờ nhau. Đời còn rộng, tình còn dài, duyên ta chưa hết. Công chúa hãy nhẫn nhục chờ tôi, ngày trả thù cũng không lâu. Bao nhiêu điều bất đắc chí ta sẽ rửa được hết lúc nâng chén rượu khao quân. Công-chúa hãy có chờ tôi không?

— Vương, sao Vương lại bắt tôi chờ đợi?

— Công-chúa vẫn còn cần chấp mãi? Nếu Công-chúa khăng khăng một mực, tức là phụ non nước, phụ Thượng-hoàng, phụ tướng sĩ, phụ tôi. Công-chúa không việc gì phải chết. Việc đời đã đến, bước cùng đâu? Non nước đợi chờ ngày chiến thắng, tướng sĩ đợi chờ ngày tuyết hận, Công-chúa sao lại không đợi chờ ngày tái hợp?

Nhời chàng hồng trở nên nghiêm nghị. Công-chúa se sẽ nói:

— Vương bắt tôi chờ đợi, nhưng khi ấy Vương là tướng chiến thắng, tôi là gái nhuốc nhơ, mặt mũi nào còn trông thấy Vương nữa? Xin Vương tránh cho tôi nỗi nhục ấy.

— Công-chúa không biết: Công-chúa có mệnh hệ nào thì tôi đây cũng không sống được nữa. Nếu Công-chúa hằng khăng một mực thì tôi thà chết trước mặt Công-chúa ngay bây giờ còn hơn.

Vương tuốt gươm. Ánh sáng lờ mờ chiếu rõ nét mặt đau thương quả quyết của người tráng sĩ. Nàng giữ chàng lại, mắt rưng rưng lệ và trên gò má lăn mấy hạt ngọc long-lanh:

— Vương, vương.

Mấy cặp thanh thót như tiếng chim rạt rè bên sớm. Nàng lại tiếp.

— Vương bắt tôi làm một điều quá nặng.

— Tôi là con nhà tướng, cử chỉ sỗ sàng ăn nói vô lễ. Công-chúa có thương, xin Công-chúa nghe tôi.

Nàng nói như nhớ tiếc:

Trời đã sáng rồi!

Cây cối núi non đã hiện lên lướt-tướt trong sương. Vài tiếng gà xao-xác.

— Đâu đây, rõ tiếng quân đấu võ. Một vài con chim sớm bay vút lên không trung, và đồng thời, một màu hồng phơn phớt điểm xuyết phía đông tan trong sương như máu loãng. Công-chúa và Vương cùng chung một lòng ngao ngán. Vương vội hỏi.

— Xin Công-chúa nhớ cho: đợi tôi hai tháng nữa.

Nàng ngập ngừng, mà như ưng thẹn:

— Nhưng cũng xin ước một điều.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

GIỚI THIỆU

I) Aristide Bouscaut của Dương văn Mẫn. CIPIC xuất bản — bản Blanc Ivoire giá 12$00. Trong tủ sách Tai mắt năm châu — Bìa trình bày mỹ thuật — Sách khảo cứu công phu về đời của nhà cách mệnh nền thương mại thế giới và sáng lập Tăng Bon marché

II Sách dạy làm bếp của Nguyễn khai Khiêm nguyên giám trù phủ Toàn quyền soạn — sách dày ngót 200 trang, giá bán 3$.

III Lý Đỗ (tập thứ nhất Lý-Thái Bạch) của Trúc khê — Công Lực xuất bản giá 5$. Đầu sách có đăng mục Tuyển kỳ phác tả một cách rõ rệt đời sống của Thái Bạch thi sĩ bất hủ của đời Đường-Tiếp nên có bài thơ của Lý có đăng nguyên văn chữ hán, kèm dịch âm, dịch nghĩa, chú dẫn, giải thích và dịch văn — Cuối sách có mục văn tập: Dữ hàn kinh chân thư kèm bản dịch và sưu tầm các dật sự về Lý Bạch.

Các tài dịch hán văn của bạn Trúc khê, chúng tôi không cần nói, độc giả đã rõ trên mặt báo này.

Chúng tôi thành thực nhận hàng quyển Lý Đỗ ra rất hợp thời và rất có ích cho các bạn hiếu học

Xin giới thiệu với các bạn và cảm ơn các tác giả.

MẠNH PHÁN

HOA GẤM
VĂN CHƯƠNG

Những câu thơ đẹp viết bằng mực thơm vạn niên chỉ nhánh trên giấy gấm nền ngân ấn; Bạch tháo sương, Đông thủy cổ nguyệt Dữ mai tinh tác thập phân xuân, để trang điểm cho cảnh thư trai khách thính rất phong nhã. Hỏi:

NG. KHÁNH-ĐAM
12 Sabourain Saigon

Đã có bán :

DÊM HỘI LONG TRÌ

Lịch sử tiểu thuyết
của NG. H. TƯỜNG

GIÁ 3$60

thêm cước 0$70

TY XUẤT BẢN TRI TÂN
95-97, *Chanceaulme, — HANOI*

Sắp phát hành :

KHỔNG - TỬ

HỌC THUYẾT PHO THỨ HAI

gồm quyển II và quyển III

MỤC LỤC

QUYỂN II — Giới thuyết

I.— Từ ngữ tổng quát : Đạo — Đức — Nhân—Nghĩa Lễ Nhạc — Chính — Mệnh.

II.— Từ ngữ luân-lý : Trung—Tín — Thứ — Trí — Dũng— Trung dung—hiếu— Thừa nhận — Vận chất —Thành nhân—Thánh nhân.

III.— Từ ngữ chánh trị : Thiên hạ — Quốc gia — hương đảng—Sĩ—Quân tử, tiểu nhân—Dân.

QUYỂN III — Cá tính

Đại-cương về Khổng-tử : Ngoại dáng — Cách ăn mặc — Cách cư xử, Tâm tình và đức độ, Khổng - tử học ai, Khổng-tử học gì ?

I.— Khổng-tử nhà giáo-dục : Quan-niệm về giáo - dục, Phương pháp giáo-giục —Cứu cánh giáo-dục.

II.— khổng-tử nhà học-giả : Nhà học-giả, Phương pháp trị học, Mục đích học-vấn.

III.— khổng tử nhà chính-trị : Quan-niệm về chánh-trị, Phương pháp cai-trị, Mục-đích chánh-trị.

IV.— khổng-tử nhà kinh-tế : Quan - niệm về kinh - tế, Chánh sách kinh tế.

V.— khổng-tử nhà triết-học :

VI.— không-tử nhà tôn-giáo : Quan - niệm về Trời, Tâm chỉ tế-tự.

(500 trang, 20.000 chữ hán, Có in một số sách qui trên giấy đẹp 200p, 150p, 80p, 70p, 50p, dành riêng bạn đọc đặt tiền trước).

Thư, tiền đề M. Lê-văn-hòa

QUỐC HỌC THƯ XÃ
16 bis TiênTsin — HANOI

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất bản hai cuốn :

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm-xuân-Đô phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ-lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp văn của Hoàng-hữu-Xứng và A de R.

Bình-phẩm cuốn này, Cố Cadière đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục súc tranh công còn tự-nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm...» dày 150 trang, khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$59
bản giấy Đại-la 12$00 cước 1$00

Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

TỦ SÁCH NGÀY MỚI

Sắp có bán :

VIỆC VÀ SỐNG

khảo luận của *Nguyễn xuân Huy*

— *Truyền ngôn của một nhà văn tiến từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa tả thực xã - hội.*

— *Nói rõ mục đích chính đáng của nhà văn trong lúc này*

Mới có bán

Khổng giáo với ông Đào-duy-Anh
nghiên cứu của Nguyễn-Diễm giá 4$00

Sắp in :

Tôn giáo và xã hội
nghiên cứu của Ng. Hải-Âu

TỦ SÁCH « VĂN NGHỆ MỚI »

Đang in :

NGÃ BA

truyện dài của Lê mộng Câu

— *Truyện một thanh niên tha thiết yêu đời yêu cuộc sống và thành thực đi tìm lý tưởng.*

ĐẠI HỌC THƯ XÃ
181 Henri d'Orléans Hanoi

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur géran : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi